

CÔNG TY TNHH MAY HỒNG VIỆT TRÀ VINH

-----\*\*\*-----

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT  
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**CỦA DỰ ÁN**

**CÔNG TY TNHH MAY HỒNG VIỆT TRÀ VINH**

Châu Thành, tháng 9/2023



## MỤC LỤC

	Trang
<b>MỤC LỤC</b> .....	<b>i</b>
<b>DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT</b> .....	<b>iii</b>
<b>DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU</b> .....	<b>iv</b>
<b>DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ</b> .....	<b>v</b>
<b>Chương I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ</b> .....	<b>1</b>
<b>1.1. Tên chủ Cơ sở</b> .....	<b>1</b>
<b>1.2. Tên Cơ sở</b> .....	<b>1</b>
<b>1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của Cơ sở đầu tư</b> .....	<b>3</b>
1.3.1. Công suất hoạt động của Cơ sở.....	<b>3</b>
1.3.2. Công nghệ sản xuất của Cơ sở .....	<b>3</b>
1.3.3. Sản phẩm của Cơ sở .....	<b>3</b>
<b>1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của Cơ sở</b> .....	<b>3</b>
<b>1.5. Các thông tin khác liên quan đến Cơ sở</b> .....	<b>4</b>
1.5.1. Các hạng mục công trình của cơ sở.....	<b>4</b>
1.5.2. Thiết bị, máy móc chính phục vụ cho hoạt động của cơ sở .....	<b>5</b>
<b>Chương II SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG</b> .....	<b>6</b>
<b>2.1. Sự phù hợp của Cơ sở đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có):</b> .....	<b>6</b>
<b>2.2. Sự phù hợp của Cơ sở đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường</b> <b>6</b>	
2.2.1. Sự phù hợp đối với khả năng chịu tải của môi trường nước mặt (nơi tiếp nhận nguồn nước mưa, nước thải của cơ sở).....	<b>6</b>
2.2.2. Đánh giá chi tiết .....	<b>8</b>
<b>Chương III KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ</b> .....	<b>12</b>
<b>3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải</b> .....	<b>12</b>
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa .....	<b>12</b>
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải .....	<b>13</b>
3.1.3. Xử lý nước thải.....	<b>14</b>
<b>3.2. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường</b> .....	<b>17</b>
3.2.1. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.....	<b>17</b>

3.2.2 Công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường .....	18
<b>3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại .....</b>	<b>18</b>
<b>3.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung .....</b>	<b>19</b>
<b>3.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....</b>	<b>19</b>
<b>Chương IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG .....</b>	<b>20</b>
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải .....	20
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung .....	21
<b>Chương V KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....</b>	<b>22</b>
5.1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường.....	22
5.2. Hiện trạng chất lượng nước mặt tiếp nhận nước thải từ Cơ sở.....	24
<b>CHƯƠNG VI KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....</b>	<b>25</b>
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Cơ sở ...	25
6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm .....	25
6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải.....	25
6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	26
6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	27
<b>CHƯƠNG VII KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....</b>	<b>28</b>
<b>Chương VIII CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....</b>	<b>30</b>
<b>PHỤ LỤC BÁO CÁO .....</b>	<b>31</b>



## DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

Từ viết tắt/Các ký hiệu viết tắt	Diễn giải
BOD <sub>5</sub>	Nhu cầu oxy sinh học
BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BVMT	Bảo vệ môi trường
CO <sub>2</sub>	Cacbon đioxit
CO	Cacbon oxit
COD	Nhu cầu oxy hóa học
NĐ	Nghị định
NO <sub>2</sub>	Nitơ đioxit
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
QĐ	Quyết định
SO <sub>2</sub>	Lưu huỳnh đioxit
TT	Thông tư
UBND	Ủy ban nhân dân

## **DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU**

	<b>Trang</b>
Bảng 1.1. Toạ độ các điểm khống chế vị trí của cơ sở .....	2
Bảng 1.2. Các hạng mục công trình của cơ sở .....	4
Bảng 1.3. Danh mục thiết bị máy móc chính của cơ sở .....	5
Bảng 2.1. Kết quả phân tích mẫu nước mặt sông Trà Vinh .....	8
Bảng 2.2. Bảng tính tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt ( $L_{td}$ ).....	9
Bảng 2.3. Bảng tính tải lượng trung bình của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước ( $L_{nn}$ ).....	9
Bảng 2.4. Bảng tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải của cơ sở ...	10
Bảng 2.5. Khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của sông Trà Vinh .....	11
Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải .....	20
Bảng 4.2. Giá trị giới hạn của tiếng ồn và độ rung đề nghị cấp phép .....	21
Bảng 5.1. Giá trị WQI nước mặt huyện Cầu Kè qua các năm.....	22
Bảng 5.2. Kết quả thử nghiệm không khí môi trường tác động huyện Châu Thành	23
Bảng 5.3. Kết quả phân tích mẫu nước mặt sông Trà Vinh .....	24
Bảng 6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành	25
Bảng 6.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải được trình bày như sau.....	25
Bảng 6.3. Chương trình quan trắc định kỳ của cơ sở.....	26
Bảng 6.4. Bảng tổng hợp kinh phí thực hiện giám sát môi trường trong 01 năm hoạt động của cơ sở.....	27

## **DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ**

	<b>Trang</b>
Hình 1.1. Vị trí Cơ sở trên ảnh vệ tinh Google Earth.....	1
Hình 1.2. Quy trình hoạt động của Cơ sở .....	3
Hình 3.1. Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa của Cơ sở.....	12
Hình 3.2. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước thải của cơ sở.....	13
Hình 3.3. Cấu tạo bể tự hoại 03 ngăn xử lý nước thải sinh hoạt .....	14
Hình 3.4. Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải.....	15
Hình 5.1. Diễn biến WQI khu vực huyện Châu Thành năm 2022 .....	22

## **Chương I** **THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ**

### **1.1. Tên chủ Cơ sở**

- Chủ Cơ sở: Công ty TNHH may Hồng Việt Trà Vinh
- Địa chỉ văn phòng: Số 420 đường 2/9, Khóm 5, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.
- Người đại diện theo pháp luật của cơ sở: (Ông) Kiều Văn Khoa
- Chức danh: Tổng Giám đốc.
- Điện thoại: 0294.6266054; E-mail: ctmayhvtv@gmail.com
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2100242197 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp chứng nhận lần đầu ngày 10/12/1999, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 08/01/2019.
- Mã số thuế: 2100242197.

### **1.2. Tên Cơ sở**

#### **CÔNG TY TNHH MAY HỒNG VIỆT TRÀ VINH**

- Địa điểm thực hiện Cơ sở: Số 420 đường 2/9, Khóm 5, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Cơ sở “Công ty TNHH may Hồng Việt Trà Vinh” được đầu tư xây dựng trên khu đất có tổng diện tích 8.762,7 m<sup>2</sup>. Bao gồm thửa số 4 tờ bản đồ số 25, khóm 5, Thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh và thửa số 1, tờ bản đồ số 29, ấp Phú Nhiêu, xã Mỹ Chánh huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Mục đích sử dụng đất: đất cơ sở sản xuất, kinh doanh.



*Hình 1.1. Vị trí Cơ sở trên ảnh vệ tinh Google Earth*

- + Phía Bắc: giáp với Nhà dân .
- + Phía Nam: Giáp đất trống, và nhà dân
- + Phía Đông: Giáp Quốc lộ 60
- + Phía Tây: giáp khu đất trống.

Toạ độ các điểm ranh giới khu đất Cơ sở theo hệ toạ độ VN2000 (kinh tuyến trực  $105^{\circ}30'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ) gồm các điểm sau:

*Bảng 1.1. Toạ độ các điểm không chế vị trí của cơ sở*

STT	Toạ độ điểm		STT	Toạ độ điểm	
	X	Y		X	Y
1	1090997,50	592752,82	11	1091029,07	592880,69
2	1090999,02	592756,39	12	1091007,77	592885,67
3	1091001,77	592759,01	13	1091002,23	592886,99
4	1091005,43	592760,45	14	1090983,23	592891,61
5	1091008,67	592760,34	15	1090977,46	592864,41
6	1091009,64	592763,20	16	1090965,12	592866,54
7	1091020,68	592796,02	17	1090954,33	592809,82
8	1091029,58	592833,38	18	1090997,54	592754,19
9	1091033,98	592848,86	19	1090972,40	592784,10
10	1091023,18	592850,85	20	1090931,70	592800,30
			21	1090925,80	592770,60

*Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp*

- Giấy xác nhận đăng ký Đề án bảo vệ môi trường Công ty TNHH may Hồng Việt Trà Vinh (tiền thân là Công ty liên doanh may Hồng Việt) do Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành xác nhận tại Văn bản số 09/XNDA-PTNMT ngày 19/6/2009.

- Quy mô của Cơ sở đầu tư (theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Tổng mức đầu tư Cơ sở là 11.000.000.000 (mười một tỷ đồng). Theo tiêu chí phân loại dự án theo Luật đầu tư công, cơ sở thuộc loại hình dự án công nghiệp thuộc điểm d, khoản 4, Điều 8, Luật đầu tư công. Dự án có tổng mức đầu tư dưới 60 tỷ đồng thuộc dự án nhóm C.

Cơ sở “Công ty TNHH may Hồng Việt Trà Vinh” thuộc mục số 2, phụ lục V Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Căn cứ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường Theo Khoản 1 Điều 39 và Khoản 4 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 Cơ sở do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp Giấy phép môi trường.

### **1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của Cơ sở đầu tư**

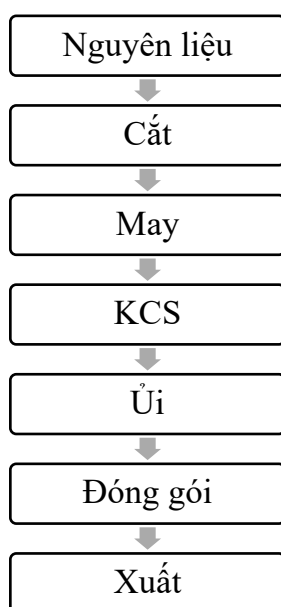
#### **1.3.1. Công suất hoạt động của Cơ sở**

- Cơ sở sản xuất các sản phẩm may mặc (Áo sơ mi, Jacket, quần Jean, bộ Vest trẻ em, quần Âu và các sản phẩm khác về may mặc) với công suất 800.000 sản phẩm/năm.

- Cơ sở sản xuất 01 ca/ngày (ca làm việc 08 giờ). Ngày tăng ca làm việc từ 7h – 20h, 01 tuần tăng ca 03 lần).

#### **1.3.2. Công nghệ sản xuất của Cơ sở**

Công ty TNHH may Hồng Việt Trà Vinh hoạt động với Quy trình công nghệ sản xuất tại cơ sở như sau:



*Hình 1.2. Quy trình hoạt động của Cơ sở*

#### **\*Thuyết minh quy trình**

Nguyên liệu sản xuất chủ yếu là các loại vải, chỉ, keo, nút,... Toàn bộ nguyên liệu sẽ được chuyển qua khâu kiểm tra chất lượng ngay khi nhập về Cơ sở. Nguyên liệu vải sẽ chuyển đến phòng cắt. Các chi tiết sau khi cắt sẽ được chuyển qua xưởng may, tại đây các công đoạn may ráp, cắt chỉ, đơm nút sẽ được thực hiện. Sản phẩm sau khi may hoàn thiện sẽ được kiểm tra chất lượng, sản phẩm đạt sẽ chuyển qua phòng ủi. Thành phẩm được chuyển sang khâu đóng gói thành phẩm và xuất bán.

#### **1.3.3. Sản phẩm của Cơ sở**

Cơ sở sản xuất các sản phẩm may mặc (Áo sơ mi, Jacket, quần Jean, bộ Vest trẻ em, quần Âu và các sản phẩm khác về may mặc) với công suất 800.000 sản phẩm/năm.

### **1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của Cơ sở**

#### **a. Nguồn cung ứng nguyên vật liệu**

Nguyên phụ liệu sử dụng cho hoạt động của cơ sở bao gồm: Vải và các phụ liệu khác cần thiết để sản xuất các sản phẩm may mặc (chỉ, nút, keo,...). Nguồn cung ứng nguyên phụ liệu được nhập từ nước ngoài do phía đối tác cung cấp.

### **b. Nguồn cung cấp điện**

- Cơ sở sử dụng điện với nguồn điện cung cấp là đường dây trung thế 15KV và trạm biến thế 3 pha 400KVA của lưới điện quốc gia. Nhu cầu sử dụng điện khoảng 450 KW/ngày.

### **c. Nguồn cung cấp nước**

Nguồn nước cấp được lấy từ hệ thống cấp nước khu vực (Công ty Cổ phần cấp thoát nước Trà Vinh) sử dụng cho mục đích sinh hoạt và sản xuất (cấp nước cho nồi hơi để ủi). Nhu cầu sử dụng khoảng 10m<sup>3</sup>/ngày đêm.

Ngoài ra, cơ sở sử dụng nước dưới đất bơm dự trữ tự động vào hồ chứa 60m<sup>3</sup> và một thủy đài 5m<sup>3</sup> để sử dụng cho mục đích PCCC.

## **1.5. Các thông tin khác liên quan đến Cơ sở**

### **1.5.1. Các hạng mục công trình của cơ sở**

Diện tích mặt bằng tổng thể của dự án là 8.762,7 m<sup>2</sup>. Trong đó diện tích xây dựng 2.033,92 m<sup>2</sup>. Bao gồm các hạng mục công trình sau:

*Bảng 1.2. Các hạng mục công trình của cơ sở*

<b>STT</b>	<b>Hạng mục công trình</b>	<b>Diện tích (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Hiện trạng</b>
<b><i>Hạng mục công trình chính</i></b>			
1	Nhà xưởng may 1	1.248	70%
2	Nhà văn phòng	218,4	70%
3	Nhà ăn công nhân	338,3	70%
4	Nhà xưởng hoàn thành (Nhà xưởng may 2)	581,5	70%
5	Nhà xưởng cắt + nhà kho mở rộng	726,2	90%
6	Nhà kho nguyên phụ liệu	260,5	80%
7	Nhà bảo vệ	10,5	80%
<b><i>Hạng mục công trình bảo vệ môi trường</i></b>			
1	Nhà vệ sinh	50	70%
2	Kho chứa chất thải rắn công nghiệp	35	Xây mới
3	Kho chứa chất thải nguy hại	13	Xây mới
4	Khu vực xử lý nước thải	20	Xây mới

### **1.5.2. Thiết bị, máy móc chính phục vụ cho hoạt động của cơ sở**

Hoạt động may mặc tại cơ sở sử dụng một số máy móc thiết bị chính như sau:

*Bảng 1.3. Danh mục thiết bị máy móc chính của cơ sở*

<b>STT</b>	<b>Thiết bị</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Hiện trạng</b>
1	Máy may 1 kim	134	Sử dụng tốt
2	Máy may 2 kim	45	Sử dụng tốt
3	Máy thừa khuy	4	Sử dụng tốt
4	Máy cắt	2	Sử dụng tốt
5	Máy vắt xô	58	Sử dụng tốt
6	Máy chuyên dùng	60	Sử dụng tốt
7	Máy nén khí	4	Sử dụng tốt
8	Nồi hơi	3	Sử dụng tốt



## **Chương II**

### **SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG**

#### **2.1. Sự phù hợp của Cơ sở đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có):**

Không thay đổi so với Đề án bảo vệ môi trường.

#### **2.2. Sự phù hợp của Cơ sở đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường**

##### **2.2.1. Sự phù hợp đối với khả năng chịu tải của môi trường nước mặt (nơi tiếp nhận nguồn nước mưa, nước thải của cơ sở)**

Hiện tại, nước thải sinh hoạt của cơ sở được xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 5 m<sup>3</sup> trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung của khu vực và chảy vào sông Trà Vinh.

Nguồn tiếp nhận nước thải sau hệ thống xử lý của Cơ sở là khu vực sông Trà Vinh, đoạn chảy qua địa phận thị trấn Châu Thành. Sông Trà Vinh có tổng chiều dài khoảng 15 km, rộng 20 - 30 m, sâu 03 - 06 m, nối liền với sông Cổ Chiên nên thủy triều của sông này phụ thuộc vào thủy triều của sông Cổ Chiên, mỗi ngày triều lên và triều xuống có biên độ và mực nước cao (đỉnh triều dao động từ 0,6 m - 1,52 m), nên có tiềm năng tiêu thoát tự chảy rất lớn, khả năng tự làm sạch nguồn nước cao. Lưu lượng xả thải lớn nhất của cơ sở là 0,00005787 m<sup>3</sup>/s (5m<sup>3</sup>/ngày đêm), lưu lượng rất thấp so với lưu lượng trung bình của sông Trà Vinh là 18 m<sup>3</sup>/s. Do đó, lưu lượng xả thải của Cơ sở không ảnh hưởng đáng kể đến chế độ thủy văn của sông Trà Vinh.

Nước mặt kênh Trà Vinh chủ yếu phục vụ cho giao thông thủy và sản xuất nông nghiệp. Hiện trạng các nguồn thải vào sông Trà Vinh đoạn Châu Thành gồm có các cơ sở sản xuất, công ty, chợ Châu Thành, bến xe,... và hoạt động sản xuất nông nghiệp.

Với tính chất nước thải của cơ sở là chứa các chất ô nhiễm như BOD<sub>5</sub>, COD, TSS, NH<sub>4</sub><sup>+</sup>-N, PO<sub>4</sub><sup>3-</sup>-P, dầu mỡ động thực vật. Nếu chất lượng nước thải không được kiểm soát tốt sẽ tác động đến kinh tế xã hội trong vùng như các hoạt động sản xuất nông nghiệp, hoạt động khai thác tài nguyên nước, sức khỏe cộng đồng. Tuy nhiên cơ sở đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 5 m<sup>3</sup>/ngày.đêm đảm bảo nước thải đạt giới hạn cho phép của QCVN 14:2008/BTNMT (cột B). Do đó, các tác động của việc xả thải đến các hoạt động kinh tế, xã hội trong vùng là không đáng kể.

#### **➤ Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước:**

Đánh giá khả năng chịu tải của môi trường là việc xem xét nguồn nước tiếp nhận có thể nhận thêm một tải lượng ô nhiễm từ nước thải của Cơ sở mà vẫn đảm bảo

nồng độ các chất ô nhiễm trong nguồn nước vẫn nằm trong giới hạn cho phép được quy định tại QCVN 08:2023/BTNMT, Loại B.

Trình tự, phương pháp đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ, cụ thể như sau:

- Xác định đoạn sông cần đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải: Nguồn tiếp nhận nước thải sau hệ thống xử lý của cơ sở là sông Trà Vinh.

- Xác định mục đích sử dụng nước mặt: Tại thời điểm lập báo cáo, nước mặt sông Trà Vinh dùng cho mục đích giao thông, tưới tiêu thủy lợi, sản xuất nông nghiệp.

- Xác định thông số đánh giá: Các thông số để đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải được lựa chọn đúng theo quy định tại Điều 82 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, QCVN 08:2023/BTNMT và các quy định hiện hành. Các thông số được lựa chọn cụ thể như sau: COD, BOD<sub>5</sub>, TSS, Tổng Nitơ và Tổng Phospho. Tuy nhiên, giá trị Tổng Nitơ, Tổng Phospho và COD không được quy định tại QCVN 14:2008/BTNMT. Do đó, các thông số đánh giá khả năng tiếp nhận bao gồm: BOD<sub>5</sub>, TSS.

- Xác định phương pháp đánh giá: Đoạn sông cần đánh giá là đoạn sông Trà Vinh có các nguồn thải trực tiếp vào đoạn sông và không bị ảnh hưởng của thủy triều nên theo quy định tại Điều 8 Thông tư 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017, phương pháp đánh giá được lựa chọn là phương pháp đánh giá gián tiếp.

- Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải là sông Trà Vinh bằng phương pháp đánh giá gián tiếp cụ thể như sau:

$$\text{Công thức đánh giá: } L_{tn} = (L_{td} - L_{nn} - L_{tt}) \times F_s + NP_{td}$$

- Trong đó:

- +  $L_{tn}$ : Khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải với từng thông số ô nhiễm, đơn vị tính là kg/ngày;
- +  $L_{td}$ : Tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt đối với đoạn sông, đơn vị tính là kg/ngày;
- +  $L_{nn}$ : Tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước của đoạn sông, đơn vị tính là kg/ngày;
- +  $L_{tt}$ : Tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn thải, đơn vị tính là kg/ngày;
- +  $F_s$ : Hệ số an toàn, được xem xét, lựa chọn trong khoảng từ 0,7 – 0,9 trên cơ sở mức độ đầy đủ, tin cậy, chính xác của thông tin, số liệu sử dụng để đánh giá do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải quy định tại Khoản 1 Điều 15 Thông tư 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 xem xét, quyết định.
- +  $NP_{td}$ : Tải lượng cực đại của thông số ô nhiễm mất đi do các quá trình biến đổi xảy ra trong đoạn sông, đơn vị tính là kg/ngày. Giá trị  $NP_{td}$  phụ

thuộc vào từng chất ô nhiễm và có thể chọn giá trị bằng 0 đối với chất ô nhiễm có phản ứng làm giảm chất ô nhiễm này. Trong trường hợp này BOD<sub>5</sub>, TSS khi phản ứng của cơ chế làm sạch tự nhiên đều làm giảm nồng độ chất ô nhiễm. Do đó, có thể chọn giá trị NP<sub>td</sub> = 0.

❖ **Tổng hợp số liệu quan trắc hiện trạng nguồn tiếp nhận**

Cơ sở tiến hành lấy mẫu nước mặt sông Trà Vinh để phục vụ việc đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải. Vị trí lấy mẫu đánh giá của đoạn kênh, cụ thể:

✓ **Đơn vị thực hiện quan trắc**

- **Đơn vị thực hiện quan trắc:** Công ty TNHH Môi trường và An toàn lao động Sao Việt

- Địa chỉ liên hệ: 48/2A đường Bình Hòa 13, KP. Bình Đáng, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Điện thoại: 0274.366.2529

- **Đơn vị thực hiện quan trắc** đã được Bộ Tài nguyên Môi trường cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường, số hiệu chứng nhận Vimcerts 286.

- **Thời gian thực hiện quan trắc:** ngày 06/9/2023.

- **Kết quả phân tích được trình bày trong bảng sau:**

*Bảng 2.1. Kết quả phân tích mẫu nước mặt sông Trà Vinh*

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả phân tích	QCVN 08:2023/BTNMT (Loại B)
1	pH	-	6,64	6 – 8,5
2	DO	mg/l	4,38	≥5
3	BOD <sub>5</sub>	mg/L	13	≤6
4	COD	mg/L	24	≤15
5	TSS	mg/L	19	≤100
6	N-NO <sub>3</sub> <sup>-</sup>	mg/L	1,48	-
7	P-PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup>	mg/L	0,11	-
8	Coliforms	MPN/100ml	4,4 x 10 <sup>3</sup>	≤5.000

(Nguồn: Công ty TNHH Môi trường và An toàn lao động Sao Việt, 2023)

**2.2.2. Đánh giá chi tiết**

**a. Xác định tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt (L<sub>td</sub>)**

- Công thức xác định:  $L_{td} = C_{qc} \times Q_s \times 86,4$

- Trong đó:

- +  $C_{qc}$ : Giá trị giới hạn của thông số chất lượng nước mặt theo quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước mặt ứng với mục đích sử dụng nước của đoạn sông, đơn vị tính là mg/l. Áp dụng QCVN 08:2023/BTNMT, loại B.
- +  $Q_s$ : Lưu lượng dòng chảy của đoạn sông đánh giá, đơn vị tính là  $m^3/s$ . Theo Báo cáo tổng hợp Dự án nghiên cứu đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải và xả thải vào các nguồn tiếp nhận chính - Phân vùng khí thải tại một số điểm nóng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, năm 2010, Sở Tài nguyên và Môi trường, lưu lượng dòng chảy của sông Trà Vinh là  $18 m^3/s$ .
- + Giá trị 86,4 là hệ số chuyển đổi thứ nguyên (được chuyển đổi từ đơn vị tính là mg/l,  $m^3/s$  thành đơn vị tính là kg/ngày).

Bảng 2.2. Bảng tính tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt ( $L_{td}$ )

TT	Thông số	$C_{qc}$ (mg/l)	$Q_s$ ( $m^3/s$ )	Hệ số thứ nguyên	$L_{td}$ (kg/ngày)
1	BOD <sub>5</sub>	6	18	86,4	9.331
2	TSS	100	18	86,4	155.520

Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp

**b. Xác định tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước ( $L_{nn}$ )**

- Công thức xác định:  $L_{nn} = C_{nn} \times Q_s \times 86,4$

- Trong đó:

+  $C_{nn}$ : kết quả phân tích thông số chất lượng nước mặt, đơn vị tính là mg/l;

+  $Q_s$ : Lưu lượng dòng chảy của đoạn sông đánh giá, đơn vị tính là  $m^3/s$ . Theo Báo cáo tổng hợp Dự án nghiên cứu đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải và xả thải vào các nguồn tiếp nhận chính tại một số điểm nóng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, năm 2010, Sở Tài nguyên và Môi trường, lưu lượng dòng chảy của sông Trà Vinh là  $18 m^3/s$ .

+ Giá trị 86,4 là hệ số chuyển đổi thứ nguyên (được chuyển đổi từ đơn vị tính là mg/l,  $m^3/s$  thành đơn vị tính là kg/ngày).

+ Tải lượng thông số ô nhiễm của Cơ sở với lưu lượng  $0,00005787m^3/s$  ( $5m^3/ngày$  đêm)

Bảng 2.3. Bảng tính tải lượng trung bình của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước ( $L_{nn}$ )

TT	Thông số	$C_{nn}$ (mg/l)	$Q_s$ ( $m^3/s$ )	Hệ số thứ nguyên	$L_{nn}$ (kg/ngày)
1	BOD <sub>5</sub>	13	18	86,4	20.217,60
2	TSS	19	18	86,4	29.548,80

Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp

**c. Xác định tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải**

Nguồn thải vào đoạn sông bao gồm nguồn thải điểm, nguồn thải diện và nguồn thải tự nhiên tương ứng là  $L_t, L_d$  và  $L_n$ . Công thức xác định tổng tải lượng chất ô nhiễm từ nguồn thải:

$$L_u = L_t + L_d + L_n$$

- Công thức xác định nguồn thải điểm:  $L_t = C_t \times Q_t \times 86,4$

Trong đó:

+  $Q_t$ : Lưu lượng lớn nhất của nguồn nước thải xả vào đoạn sông, đơn vị tính là  $m^3/s$ ;

+ Giá trị 86,4 là hệ số chuyển đổi thứ nguyên.

+  $C_t$ : Kết quả phân tích thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải xả vào đoạn sông, đơn vị tính là  $mg/l$ ;

Để xác định tải lượng của cơ sở, chúng tôi chọn nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải sinh hoạt theo QCVN 14:2008/BTNMT (cột B1) để tính với các hệ số sau:

Giá trị tối đa ( $C_{max}$ ) cho phép của các thông số và các chất gây ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi thải ra nguồn tiếp nhận được tính bằng công thức:  $C_{max} = C \times K$

Trong đó:

+  $C$  là giá trị của các thông số và các chất gây ô nhiễm, làm cơ sở để tính toán  $C_{max}$  (áp dụng cột B).

+  $K$  là hệ số về quy mô đối với cơ sở sản xuất quy mô < 500 người ( $K = 1,2$ ).

Tải lượng thông số ô nhiễm của cơ sở với lưu lượng tối đa  $0,00005787m^3/s$  ( $5m^3/ngày đêm$ )

Chỉ tiêu đánh giá: BOD<sub>5</sub>, TSS. Được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 2.4. Bảng tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải của cơ sở

TT	Thông số	$C_t$ mg/l	$Q_t$ $m^3/s$	Hệ số thứ nguyên	$L_t$ (kg/ngày)
1	BOD <sub>5</sub>	60	0,00005787	86,4	0,2999981
2	TSS	120	0,00005787	86,4	0,5999962

Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp

Như vậy, khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải là sông Trà Vinh được thể hiện trong bảng sau:

Do vị trí đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải từ cơ sở là quan trắc môi trường tác động, đã bao gồm các nguồn thải có sẵn trong môi trường nước mặt ( $L_{mn}$ ). Do đó, trường hợp này có thể xem ( $L_d, L_n = 0$ ).

Như vậy, khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải là sông Trà Vinh (với  $NP_{td} = 0$ ) được thể hiện trong bảng sau:

*Bảng 2.5. Khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của sông Trà Vinh*

STT	Thông số	$L_{td}$	$L_{nn}$	$L_{tt}$	$L_{tn} = (L_{td} - L_{nn} - L_{tt}) \times F_s$	
					$F_s = 0,7$	$F_s = 0,9$
1	BOD <sub>5</sub>	467	20.217,60	0,2999981	-13825,63	-17775,81
2	TSS	155.520	29.548,80	0,5999962	88179,42	113373,54

*(Nguồn: đơn vị tư vấn tổng hợp)*

Căn cứ vào giá trị  $L_{tn}$  cho thấy nguồn tiếp nhận có khả năng tiếp nhận 01/02 thông số được đánh giá. Chất lượng nguồn nước tiếp nhận tại thời điểm đánh giá còn khá tốt. Đa số các chỉ tiêu quan trắc đạt chất lượng nước loại B, đối với chỉ tiêu ô nhiễm hữu cơ, chất lượng nước thuộc loại C. Chất lượng nước mặt sông Trà Vinh có dấu hiệu ô nhiễm hữu cơ. Tuy nhiên nước thải của cơ sở với lưu lượng rất ít, 5m<sup>3</sup>/ngày. Đồng thời, nước thải sau xử lý của cơ sở đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B (k=1,2) phát sinh từ quá trình hoạt động của cơ sở. Do đó, tác động của nước thải của cơ sở đến chất lượng nước mặt là không đáng kể.

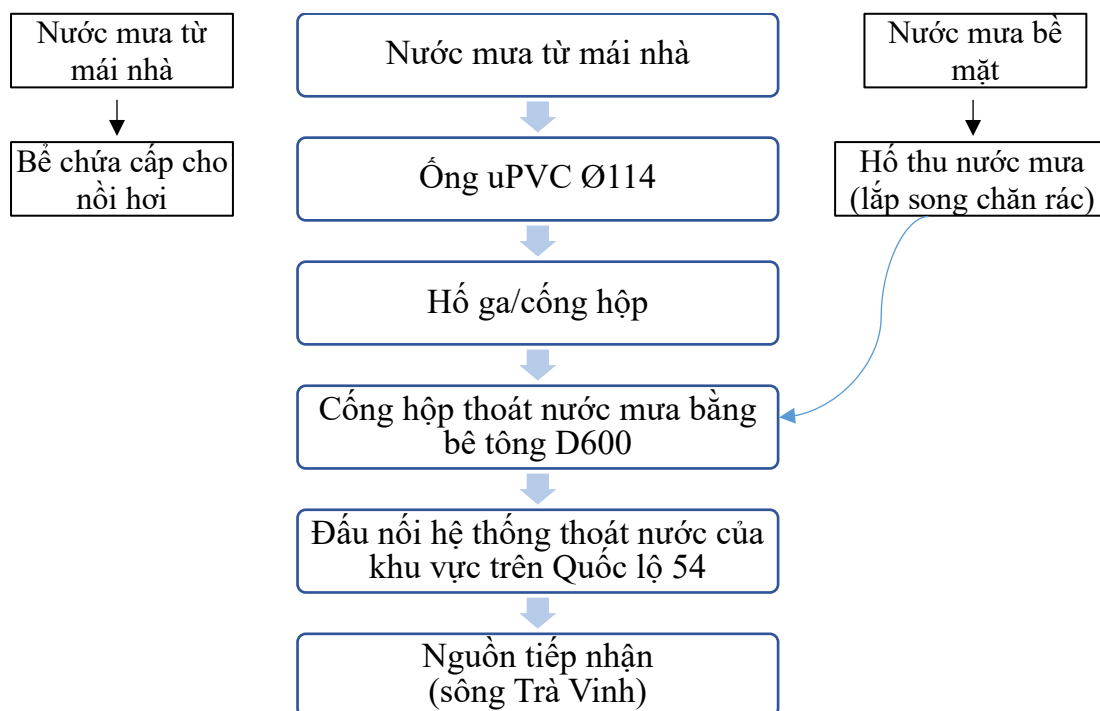
### Chương III

## KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

### 3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

#### 3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Hệ thống thu gom, thoát nước mưa: nước mưa từ mái nhà một phần được thu gom bằng máng xối sau đó được dẫn bằng ống nhựa uPVC Ø114 về bể chứa nước mưa để cấp cho nồi hơi. Một phần nước xuống hố ga, thoát cùng với nước mưa chảy tràn trên sân nền theo đường cống hộp thoát nước mưa bằng bê tông (D600) được đấu nối với hệ thống thoát nước chung của khu vực trên Quốc lộ 54 phía trước cổng Cơ sở.



Hình 3.1. Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa của Cơ sở

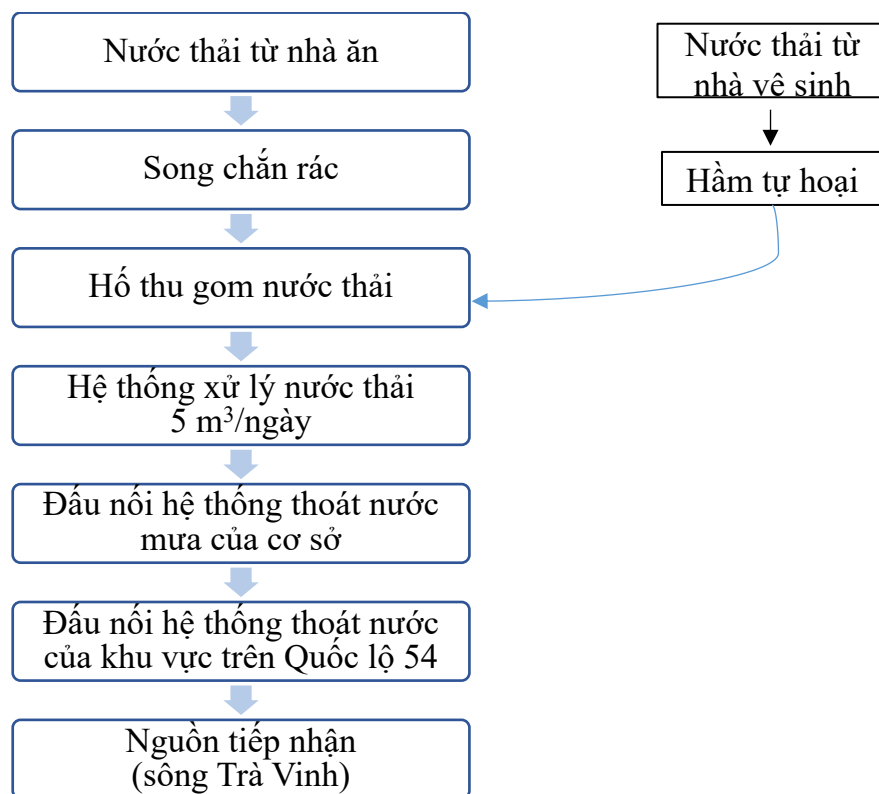
Bảng 3.1. Thông số kỹ thuật của hệ thống thoát nước mưa chảy tràn

Stt	Hệ thống	Thông số
1	Cống hộp thoát nước mưa	- Kết cấu: BTCT - Dọc theo đường nội bộ của dự án - Chiều dài: 120m - Kích thước : D600
2	Ống uPVC Ø114 dẫn nước mưa chảy tràn	- Ống bằng nhựa uPVC - Ống dẫn từ mái nhà đến mặt đất: 7m - Ống dẫn về bể chứa nước mưa: 40 m - Kích thước: Ø114

### 3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

Công trình thu gom: Nước thải từ nhà ăn và nước thải từ nhà vệ sinh sau hầm tự hoại được thu gom bằng máy bơm, đường ống uPVC kích thước từ Ø42 – Ø168 về hố thu gom nước thải, chiều dài đường ống khoảng 50m. Sau đó nước thải được xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 5m<sup>3</sup>/ngày.

Nước thải sau xử lý được dẫn bằng đường ống uPVC Ø60 (dài khoảng 20m) về hố ga thoát nước mưa (D1000), theo đường cống hộp bê tông (D600) cùng với nước mưa thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực trên Quốc lộ 54 phía trước Cơ sở và thoát ra nguồn tiếp nhận (sông Trà Vinh).



Hình 3.2. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước thải của cơ sở

Bảng 3.2. Thông số cơ bản của hệ thống thu gom, thoát nước thải

Stt	Hệ thống	Thông số
1	Thu gom nước thải	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ống nhựa uPVC</li> <li>- Chiều dài: 50m</li> <li>- Kích thước : Ø42 – Ø168</li> <li>- Máy bơm 1Hp</li> </ul>
2	Thoát nước thải	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ống nhựa uPVC</li> <li>- Từ HTXL nước thải đến hố ga thoát nước mưa.</li> <li>- Chiều dài: 20 m</li> <li>- Kích thước: ống Ø90</li> </ul>



Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý nước thải đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, K=1,2 sẽ được dẫn bằng đường ống uPVC đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa của Cơ sở, bằng phương pháp tự chảy.

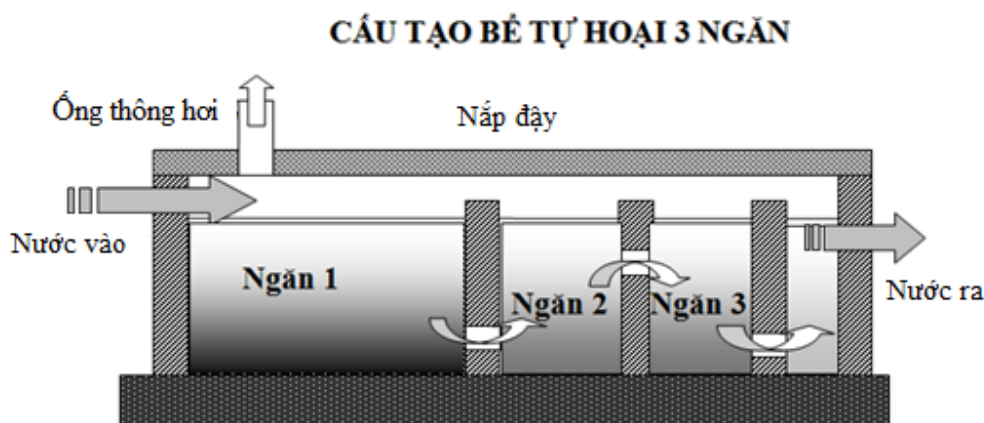
Tọa độ điểm xả thải của Cơ sở: X=1090987,8; Y=592804,7

### 3.1.3. Xử lý nước thải

Công trình xử lý nước thải của cơ sở gồm hầm tự hoại thể tích 15 m<sup>3</sup> và hệ thống xử lý nước thải có công suất 5 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

#### ❖ Hầm tự hoại

Lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh cho nhu cầu vệ sinh khoảng 1,5 m<sup>3</sup>/ngày, được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn đặt dưới công trình nhà vệ sinh của dự án.



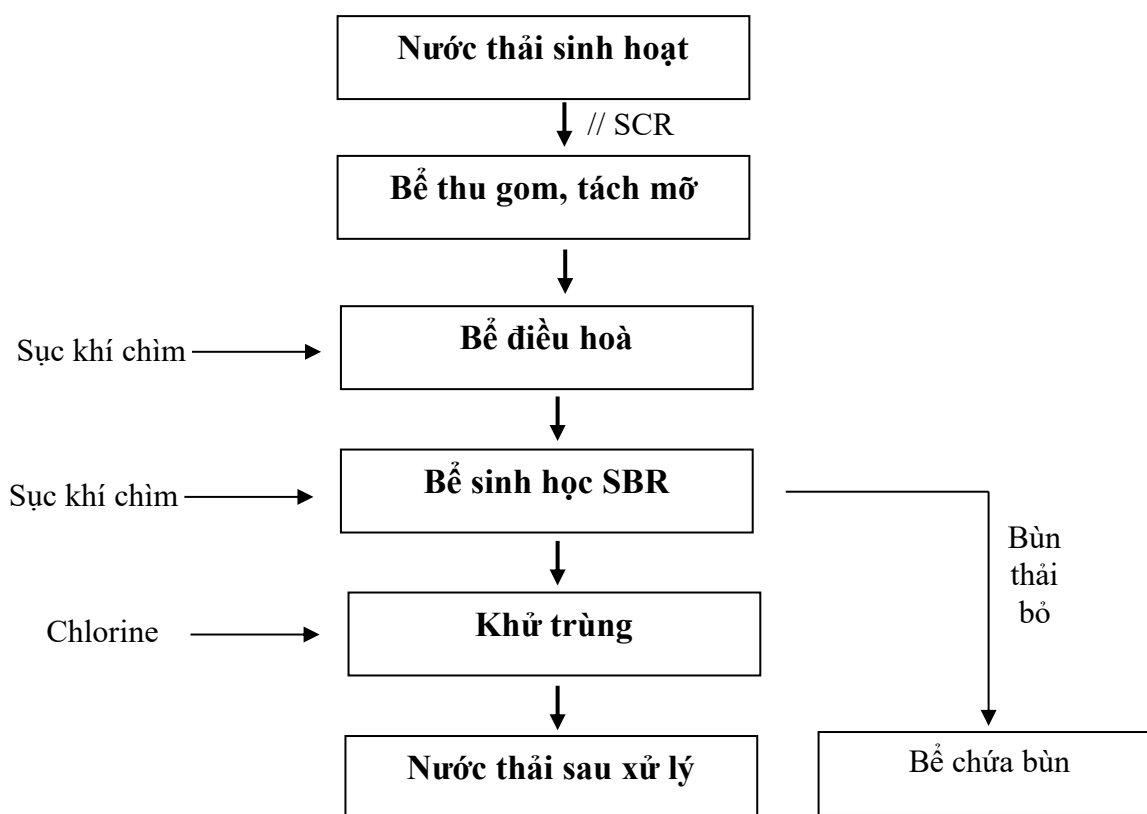
*Hình 3.3. Cấu tạo bể tự hoại 03 ngăn xử lý nước thải sinh hoạt*

**Nguyên lý hoạt động:** Bể tự hoại là một công trình đồng thời làm 2 chức năng: Lắng và phân hủy cặn lắng. Để hợp lý trong xây dựng và sử dụng, bể tự hoại được thiết kế và xây dựng thành nhiều bể (mỗi bể đều có 3 ngăn). Khi nước thải đổ vào bể sẽ được giữ lại ở ngăn thứ I. Tại đây các chất lơ lửng có kích thước lớn được giữ lại và phân nước tiếp tục qua ngăn thứ II, ở ngăn thứ II nước được giữ ổn định trong một thời gian, để tiếp tục lắng các chất lơ lửng có kích thước hạt nhỏ. Mặt khác nước chứa trong bể tự hoại, dưới sự ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí các chất hữu cơ sẽ bị phân hủy, một phần tạo thành các chất khí, một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Nước thải được giữ trong bể tự hoại trong một thời gian nhất định, để đảm bảo hiệu suất lắng cũng như phân hủy sau đó nước thải tiếp tục được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở.

#### ❖ Hệ thống xử lý nước thải của cơ sở

Hiện tại lượng nước thải phát sinh tại nhà ăn của cơ sở khoảng 2 m<sup>3</sup>/ngày. Tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở khoảng 3,5 m<sup>3</sup>/ngày. Để hệ thống xử lý nước phù hợp với công suất và chất lượng nước thải đầu ra đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B, chủ dự án đã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải 5m<sup>3</sup>/ngày với quy trình công nghệ như sau:

Quy trình công nghệ xử lý nước thải:



Hình 3.4. Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải

### THUYẾT MINH QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ

Nước thải của dự án phát sinh từ hoạt động sinh hoạt, vệ sinh của công nhân (nước thải sau hầm tự hoại nhà vệ sinh, sau bể tách dầu mỡ của nhà ăn) được thu gom dẫn và chảy về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt với công suất xử lý  $5 \text{ m}^3/\text{ngày} \cdot \text{đêm}$ .

#### **Bể thu gom**

Bể thu gom có nhiệm vụ tập trung nguồn nước thải sinh hoạt cho trạm xử lý nước thải,

Trong bể thu gom có lắp đặt song chắn rác (SCR) để loại bỏ các chất rắn có kích thước lớn, bảo vệ máy móc, thiết bị cho hệ thống xử lý.

Nước thải sau đó được bơm sang bể điều hoà.

#### **Bể điều hoà**

Bể điều hoà có nhiệm vụ điều hoà lưu lượng và ổn định nồng độ dòng nước thải đi vào hệ thống xử lý. Trong bể được lắp đặt hệ thống sục khí chìm để tránh lắng cặn ô nhiễm, xử lý sơ bộ các chất ô nhiễm trong nước thải.

Từ bể điều hoà nước thải được bơm với lưu lượng ổn định vào bể sinh học SBR.

#### **Bể sinh học SBR**

Quy trình xử lý sinh học SBR bao gồm 05 pha, cụ thể:

- Pha làm đầy

Trong khoảng thời gian 1 giờ đến 3 giờ, bể phản ứng sẽ hoạt động theo mẻ nối tiếp nhau, tùy vào lượng BOD/COD đầu vào quá trình làm đầy có thể linh hoạt thay đổi theo các mức: Làm đầy tĩnh – Làm đầy hoà trộn – Làm đầy sục khí, tạo điều kiện cho môi trường kỵ khí và môi trường hiếu khí, giúp các vi sinh vật kỵ khí và hiếu khí hoạt động hiệu quả, dễ dàng oxy hoá các chất hữu cơ và giảm bớt BOD/COD có trong nước thải.

- Pha phản ứng (có thổi khí)

Tạo điều kiện sinh hoá giữa bùn hoạt tính và nước thải bằng phản ứng bằng cách sục khí hay làm thoáng bề mặt để cung cấp nhiều oxy, đồng thời khuấy trộn đều hỗn hợp trong khoảng 2 giờ tùy thuộc vào chất lượng nước thải. Quá trình diễn ra nhanh chóng bằng cách: sử dụng các loài vi khuẩn Nitrosomonas oxy hóa amoni ( $\text{NH}_4^+$ ) thành nitrit ( $\text{NO}_2^-$ ). Sau đó vi khuẩn Nitrobacter có nhiệm vụ oxy hóa nitrit thành nitrat ( $\text{NO}_3^-$ )

- Pha lắng

Pha này sẽ tạm dừng bơm nước thải để lắng tĩnh hoàn toàn trong khoảng 2 tiếng. Giai đoạn sẽ giúp tách biệt hoàn toàn 2 phần trong nước thải đó là cặn lắng (bùn) và nước trong.

- Pha hút nước

Phần nước sau lắng sẽ được bơm tháo nhờ thiết bị hút Decantor sang bể chứa để tiếp tục giai đoạn xử lý cuối cùng. (khoảng 0,5 giờ)

- Pha dừng

Phụ thuộc vào thời gian hoạt động của 4 pha trên mà thực hiện thời gian chờ phù hợp để bắt đầu mẻ xử lý tiếp theo.

Bùn dư tại pha lắng tới một mức nhất định sẽ được xả một phần vào bể chứa bùn, phần còn lại sẽ được giữ lại để phục vụ cho quá trình xử lý tiếp theo.

**Khử trùng**

Tại bể khử trùng nước thải được trộn với hóa chất khử trùng (Chlorine), cung cấp bởi hệ thống bơm hóa chất khử trùng nhằm tiêu diệt các vi sinh vật gây bệnh.

Thời gian tiếp xúc giữa nước thải và chất khử trùng khoảng 15-45 phút.

Nước thải sau khi xử lý từ bể khử trùng đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) tự chảy ra nguồn tiếp nhận.

*Bảng 3.3. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải*

TT	TÊN BỒN/BỂ	KÍCH THƯỚC BỂ	VẬT LIỆU, QUY CÁCH
1	<b>BỂ THU GOM</b>	Thể tích chứa nước: 0,12 m <sup>3</sup> Thời gian lưu nước: 0,5 giờ Số lượng: 01	Bồn nhựa đứng
2	<b>BỂ ĐIỀU HOÀ</b>	Thể tích chứa nước: 3 m <sup>3</sup> Thời gian lưu nước: 15 giờ	Bồn nhựa đứng

TT	TÊN BỂ/BỂ	KÍCH THƯỚC BỂ	VẬT LIỆU, QUY CÁCH
		Số lượng: 01	
3	<b>BỂ SINH HỌC SBR</b>	Thể tích chứa nước: 5 m <sup>3</sup> Thời gian lưu nước: 24 giờ Số lượng: 01	Bồn nhựa đứng
4	<b>BỂ KHỬ TRÙNG</b>	Thể tích chứa nước: 1 m <sup>3</sup> Thời gian lưu nước: 0,5 giờ Số lượng: 01	Bồn nhựa đứng
5	<b>BỂ CHỨA BÙN</b>	Thể tích chứa nước: 0,3 m <sup>3</sup> Số lượng: 01	Bồn nhựa đứng

Bảng 3.4. Danh mục thiết bị của hệ thống xử lý nước thải

TT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	THÔNG SỐ - QUY CÁCH
1	Máy bơm chìm bể thu gom	01	Máy chìm Công suất 0,2 kW Điện áp: 1pha/220v/50Hz
2	Máy bơm chìm bể điều hòa	01	Máy chìm Công suất 0,2 kW Điện áp: 1pha/220v/50Hz
3	Máy bơm chìm sục khí bể điều hòa	01	Máy chìm Công suất 0,75 kW Điện áp: 1pha/220v/50Hz
4	Máy bơm chìm sục khí bể sinh học SBR	01	Máy chìm Công suất 0,75 kW Điện áp: 1pha/220v/50Hz
5	Máy bơm chìm thu nước bể sinh học SBR	01	Máy chìm Công suất 0,12 kW Điện áp: 1pha/220v/50Hz
6	Bơm định lượng	01	Máy cặn Điện áp: 1pha/220v/50Hz
7	Ngoài ra, còn có bồn chứa hoá chất, đồng hồ đo lưu lượng, tủ điện, đường ống, linh kiện...	-	-

### 3.2. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

#### 3.2.1. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

- Nguồn phát sinh: từ hoạt động sinh hoạt của công nhân và nhân viên tại cơ sở.

- Số lượng phát sinh: Theo QCVN 01:2021/BXD thì lượng rác thải sinh hoạt mỗi người trung bình thải ra là 0,8 kg/người/ngày. Cơ sở chỉ hoạt động 8 giờ/ngày, khối lượng chất thải phát sinh là 108kg/ngày.

- Công trình lưu giữ: Bố trí 05 thùng chứa rác (dung tích 240L, có nắp đậy và bánh xe) tại khu canh xanh cạnh xưởng may 1 của Cơ sở.

- Biện pháp xử lý: Hợp đồng với HTX Xây dựng – Môi trường Trà Vinh tại Hợp đồng số 09/2023/HĐ-HTX ngày 30/12/2022 thực hiện thu gom rác sinh hoạt tại Cơ sở. Tần suất thu gom xử lý 2 lần/tuần (vào thứ 3 và thứ 7 hàng tuần).

### **3.2.2 Công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường**

- Nguồn phát sinh: từ quá trình sản xuất của cơ sở bao gồm các loại bao bì, phụ liệu thừa, vụn từ quá trình sản xuất,...

- Số lượng ước tính: khoảng 2 tấn/tháng.

- Công trình lưu giữ: Cơ sở bố trí khu vực kho lưu chứa bên trong khuôn viên cơ sở có diện tích khoảng 35 m<sup>2</sup>. Nền bê tông, có mái che lợp tole tránh nước mưa, Tường xây gạch lên cao 1m, xung quanh lợp tole.

- Biện pháp xử lý: Cơ sở sẽ hợp đồng với đơn vị thu mua, tái chế.

### **3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại**

- Nguồn phát sinh: từ hoạt động của cơ sở bao gồm các loại CTNH và các điều kiện lưu giữ như sau:

*Bảng 3.5. Thành phần chất thải nguy hại và điều kiện lưu giữ*

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Dự báo khối lượng phát sinh (kg/năm)	Điều kiện lưu chứa
1	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	16 01 06	5	Cột trong thùng carton
2	Giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	10	Bao PE
3	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	1	Xếp gọn
4	Hộp chứa mực in	Rắn	08 02 04	2	Bao PE
5	Các loại dầu mỡ thải	Lỏng	16 01 08	5	Can chứa
6	Dầu động cơ, hộp số, dầu bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	30	Can chứa
7	Các thiết bị điện có các linh kiện điện tử thải	Rắn	16 01 13	1	Bao PE
Tổng số lượng			-	54	-

- Công trình lưu giữ: Cơ sở bố trí khu vực lưu giữ có diện tích khoảng 13m<sup>2</sup>, Nền bê tông, có mái che lợp tole tránh nước mưa, Tường xây gạch lên cao 1m, xung quanh lợp tole.

- Cơ sở sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

### **3.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

Trong hoạt động của cơ sở, nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung chủ yếu từ các máy cắt, máy nén, máy may. Để giảm thiểu tác động của tiếng ồn tại cơ sở áp dụng một số giải pháp sau:

- Nhà xưởng được xây dựng kín và chống rung, đảm bảo tiếng ồn và độ rung không ảnh hưởng đến các hộ dân xung quanh và các công trình lân cận;

- Máy móc, thiết bị thường xuyên được kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng, tra dầu nhớt để tăng độ bôi trơn, giúp máy móc thiết bị giảm thiểu tiếng ồn, độ rung trong quá trình hoạt động;

- Công nhân sản xuất được trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động;

Tiếng ồn, độ rung tại cơ sở đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép của:

- QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Khu vực thông thường.
- QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung – khu vực thông thường.

### **3.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường**

- Cơ sở xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy theo quy định, trang bị các thiết bị phòng cháy chữa cháy theo hướng dẫn của Cảnh sát PCCC & CNCH của huyện Châu Thành, xây dựng hồ trữ nước, tháp nước để phục vụ cho công tác PCCC;

- Đối với nôi hơi, định kỳ thực hiện kiểm định theo quy định.

**Chương IV**  
**NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải**

- Nguồn phát sinh nước thải:
- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 5 m<sup>3</sup>/ngày.đêm
- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau xử lý từ hệ thống xử lý nước thải tập trung 5 m<sup>3</sup>/ngày đêm.
- Nguồn tiếp nhận nước thải sau xử lý: Hệ thống thoát nước chung của khu vực, chảy ra sông Trà Vinh.
- Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt của Cơ sở đề nghị cấp phép như sau:

*Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải*

Stt	Các chất ô nhiễm đề xuất cấp phép	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B, k=1,2
1	pH	-	5-9
2	BOD <sub>5</sub>	mg/l	60
3	TSS	mg/l	120
4	Tổng chất rắn hoà tan	mg/l	1.200
5	Sulfua (H <sub>2</sub> S)	mg/l	4,8
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	24
9	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	12
10	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12
11	Tổng Coliform	MPN/100ml	5.000

*(Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp)*

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:
  - + Vị trí xả nước thải: Tại cống thoát nước mưa của cơ sở.
  - + Tọa độ vị trí xả nước thải: X= 1090987,8; Y= 592804,7 (hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 105<sup>0</sup>30', múi chiếu 3<sup>0</sup>).
  - + Phương thức xả thải: nước thải sau xử lý tại cơ sở được xả thải vào nguồn nước tiếp nhận theo phương thức tự chảy, nước thải xả ven bờ.
  - + Chế độ xả nước thải: gián đoạn theo thời gian hoạt động của Cơ sở.

- + Nguồn tiếp nhận nước thải: hệ thống thoát nước chung của khu vực, sau đó chảy về sông Trà Vinh.

#### **4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung**

Nguồn phát sinh: hoạt động sản xuất. Vị trí phát sinh Xưởng may 1, Xưởng cắt.

*Bảng 4.2. Giá trị giới hạn của tiếng ồn và độ rung đề nghị cấp phép*

<b>Stt</b>	<b>Thời gian áp dụng</b>	<b>Mức gia tốc rung cho phép QCVN 27:2010/BTNMT, (dB)</b>	<b>Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn (dBA) QCVN 26:2010/BTNMT</b>
1	6 giờ - 21 giờ	70	70
2	21 giờ - 6 giờ	60	55



## Chương V KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Hoạt động sản xuất của Cơ sở không phát sinh khí thải. Đối với nước thải sinh hoạt, cơ sở đầu tư xây dựng hệ thống xử lý 5 m<sup>3</sup>/ngày (hoàn thành tháng 8/2023) đang thực hiện thủ tục vận hành thử nghiệm. Do đó chưa có dữ liệu về quan trắc môi trường tại cơ sở.

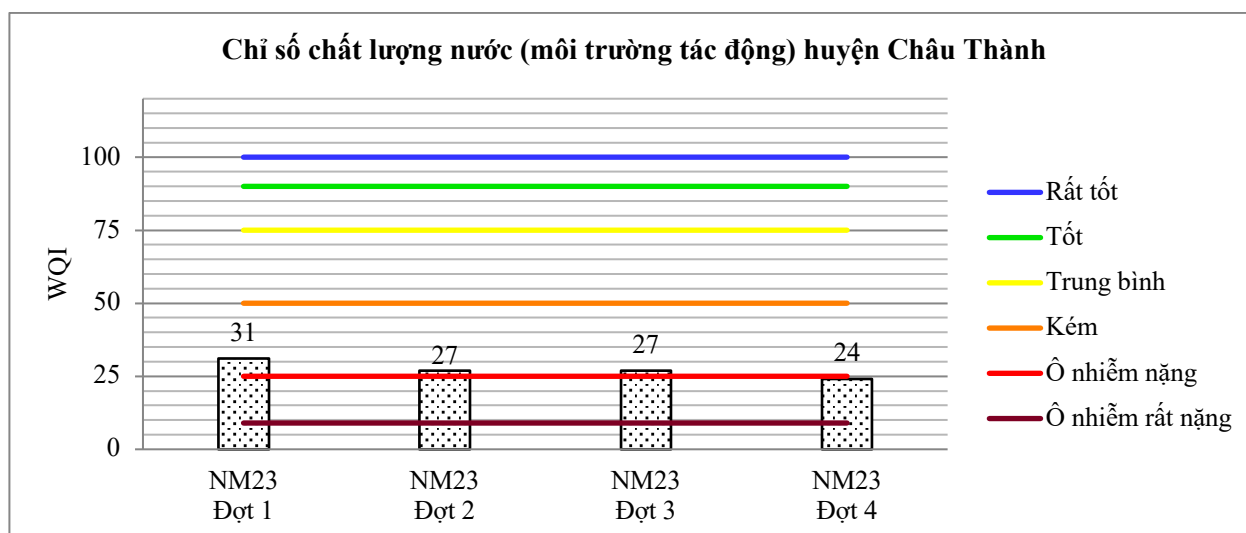
Quá trình lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, cơ sở tham khảo số liệu môi trường từ báo cáo quan trắc của tỉnh Trà Vinh năm 2022 và đồng thời thực hiện lấy mẫu môi trường nền đối với nước mặt như sau:

### 5.1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường

#### a. Chất lượng nước mặt

Kết quả thử nghiệm cho thấy có 04/12 thông số quan trắc tại khu vực huyện Châu Thành còn vượt giới hạn quy định cho phép theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT (cột B<sub>1</sub>), bao gồm: DO, amoni, nitrit và coliform. Trong đó, thành phần ô nhiễm chủ yếu trong môi trường nước mặt huyện Châu Thành vẫn là 02 thông số DO và coliform.

Nitrit vượt 1,4 lần so với QCVN 08-MT:2015/BTNMT vào đợt 4 năm 2022; DO không đạt giá trị tối thiểu cho phép theo quy chuẩn tại 03/04 đợt quan trắc, trừ đợt 3 và amoni vượt quy chuẩn từ 4,11 – 5,34 lần tại 03/04 đợt quan trắc, trừ đợt 1; Coliform vượt quy chuẩn từ 3,2 – 12,4 lần tại tất cả các đợt quan trắc trong năm.



Hình 5.1. Diễn biến WQI khu vực huyện Châu Thành năm 2022

Bảng 5.1. Giá trị WQI nước mặt huyện Cầu Kè qua các năm

Năm \ Đợt	Giá trị WQI - NM <sub>23</sub>			
	Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4
Năm 2020	83	92	24	73
Năm 2021	89	93	23	26
Năm 2022	31	27	27	24

Trong năm 2022, kết quả tính toán chỉ số WQI cho thấy nước mặt (môi trường tác động) tại khu vực cầu Ô Chát - sông Ô Chát, xã Song Lộc, huyện Châu Thành tương đối ổn định, tuy nhiên chất lượng chỉ ở mức kém, giá trị WQI dao động từ 24-31 (trung bình năm là 27). Nguyên nhân môi trường nước mặt khu vực này chịu tác động từ nguồn nước thải gần chợ Song Lộc và bãi chứa vật liệu xây dựng chưa được kiểm soát tốt, dẫn đến có 04/12 thông số quan trắc trong năm còn vượt giới hạn quy định cho phép theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT. Trong đó, nồng độ amoni, coliform và DO trong thành phần nước mặt có giá trị cao, ảnh hưởng kết quả tính toán chỉ số chất lượng WQI.

So với cùng kỳ 02 năm trước, chất lượng nước mặt cầu Ô Chát - sông Ô Chát, xã Song Lộc trong năm 2022 tương đối ổn định, tuy nhiên chất lượng nước mặt khu vực này có xu hướng suy giảm nhẹ hơn so với năm 2020, năm 2021.

(Nguồn: Báo cáo tổng hợp kết quả quan trắc chất lượng môi trường tỉnh Trà Vinh, 2022).

### b. Chất lượng không khí

Vị trí lấy mẫu: Giao lộ đường 2/9 và 30/4 (K<sub>10</sub>).

Bảng 5.2. Kết quả thử nghiệm không khí môi trường tác động huyện Châu Thành

Thông số	Đơn vị	Điểm quan trắc	Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4	TB năm	QCVN 05:2013/BTNMT
Tiếng ồn	dBA	K <sub>10</sub>	65,0	75,5	69,3	74,8	71,2	70,0*
Bụi lơ lửng	µg/m <sup>3</sup>		189	144	159	205	174	300
SO <sub>2</sub>	µg/m <sup>3</sup>		KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	350
NO <sub>2</sub>	µg/m <sup>3</sup>		11	16	20	21	17	200
CO	µg/m <sup>3</sup>		3.697	4.619	3.947	4.160	4.106	30.000
O <sub>3</sub>	µg/m <sup>3</sup>		KPH	20	43	8	20	200
Pb	µg/m <sup>3</sup>		KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	-
HC	µg/m <sup>3</sup>		KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	5.000**

**\* Ghi chú:**

- KPH: Không phát hiện;
- Giới hạn cho phép theo QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;
- Giá trị (\*) áp dụng theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn;
- Giá trị (\*\*) áp dụng theo QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

**\* Đánh giá chất lượng không khí môi trường tác động huyện Châu Thành:**

Kết quả quan trắc năm 2022 cho thấy, không khí môi trường tác động trên địa bàn huyện Châu Thành có chất lượng khá tốt, 07/08 thông số quan trắc nằm trong giới hạn cho phép quy định tại QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 06:2009/BTNMT. Riêng tiếng ồn vượt giới hạn từ 1,07 - 1,08 lần vào đợt 2, 4 và kết quả trung bình năm 2022 của tiếng ồn cũng vượt nhẹ 1,02 lần so với QCVN 26:2010/BTNMT.

## **5.2. Hiện trạng chất lượng nước mặt tiếp nhận nước thải từ Cơ sở**

Để đánh giá chất lượng nước mặt môi trường nền khu vực cơ sở đã thực hiện lấy mẫu phân tích đánh giá chất lượng nước mặt sông Trà Vinh như sau:

*Bảng 5.3. Kết quả phân tích mẫu nước mặt sông Trà Vinh*

<b>TT</b>	<b>Thông số</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Kết quả phân tích</b>	<b>QCVN 08:2023/BTNMT (Loại B)</b>
1	pH	-	6,64	6 – 8,5
2	DO	mg/l	4,38	$\geq 5$
3	BOD <sub>5</sub>	mg/L	13	$\leq 6$
4	COD	mg/L	24	$\leq 15$
5	TSS	mg/L	19	$\leq 100$
6	N-NO <sub>3</sub> <sup>-</sup>	mg/L	1,48	-
7	P-PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup>	mg/L	0,11	-
8	Coliforms	MPN/100ml	4,4 x 10 <sup>3</sup>	$\leq 5.000$

*(Nguồn: Công ty TNHH Môi trường và An toàn lao động Sao Việt, 2023)*

Kết quả đo đạc, phân tích cho thấy chất lượng nước mặt môi trường nền khu vực cơ sở có chất lượng trung bình. Các thông số quan trắc cho thấy chất lượng nước sông Trà Vinh đoạn qua thị trấn Châu Thành có chất lượng nước loại B, một số chỉ tiêu ô nhiễm hữu cơ thuộc loại C.

**CHƯƠNG VI**  
**KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH**  
**XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC**  
**MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường của Cơ sở, chủ Cơ sở đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc trong giai đoạn đi vào vận hành, cụ thể như sau:

**6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Cơ sở**

**6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm**

Danh mục chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành của Cơ sở được trình bày như sau:

*Bảng 6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành*

TT	Công trình	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc
1	Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	30/09/2023	31/12/2023

**5.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải**

- Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải (lấy mẫu tổ hợp và mẫu đơn):

Theo Khoản 4 và Khoản 5 Điều 21 (quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm) Thông tư 02/TT-BTNMT, Cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại cột 3 Phụ lục 2 ban hành theo NĐ số 08/2022/NĐ-CP. Việc quan trắc chất thải Chủ Cơ sở đầu tư tự quyết định, nhưng phải đảm bảo ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

Theo quy mô và loại hình Cơ sở, chủ Cơ sở đưa ra kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải được đề xuất như sau:

*Bảng 6.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải được trình bày như sau*

Đợt lấy mẫu	Vị trí lấy mẫu	Số lượng	Chỉ tiêu	Quy chuẩn so sánh
- Lấy mẫu đầu vào 15/11/2023 - Lấy mẫu đầu ra các ngày 15 - 17/11/2023	- Tại bể thu gom (nước thải đầu vào) - Sau bể khử trùng (nước thải đầu ra)	1 mẫu đầu vào 3 mẫu đầu ra Tổng: 4 mẫu	COD, BOD <sub>5</sub> , TSS, Coliform, Nitrat, Phosphat	QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K=1,2

- Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch.

- + Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG SAO VIỆT
- + Đại diện: (Bà) Nguyễn Thị Huyền
- + Chức vụ: Giám đốc
- + Mã số thuế: 3702915620
- + Địa chỉ: 48/2A đường Bình Hòa 13, khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.
- + Điện thoại: 0274 366 2529
- + Chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm: Vimcert 268 (đính kèm phụ lục)

## **6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật**

Theo quy định tại Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ:

Cơ sở Công ty TNHH may Hồng Việt Trà Vinh không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Cơ sở có phát sinh nước thải với lưu lượng thải tối đa là 5 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Do đó, cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ và sẽ không phải lập chương trình quan trắc nước thải định kỳ trong nội dung Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

Loại hình cơ sở không phát sinh khí thải.

Căn cứ theo tình hình hoạt động của Cơ sở

Chủ cơ sở xin đề xuất thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ như sau:

*Bảng 6.3. Chương trình quan trắc định kỳ của cơ sở*

<b>Nội dung quan trắc</b>	<b>Vị trí quan trắc</b>	<b>Thông số quan trắc</b>	<b>Tần suất quan trắc</b>	<b>QCVN so sánh</b>
Nước thải	01 mẫu nước thải tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải (NT)	pH, TSS, BOD <sub>5</sub> , NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> -N, NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> -N, PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> -P, H <sub>2</sub> S, Dầu mỡ động, thực vật, tổng Coliforms.	01lần/năm	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K = 1,2)
Tiếng ồn	01 mẫu tại cổng cơ sở	Tiếng ồn	01lần/năm	QCVN 05:2023/BTNMT QCVN 26:2010/BTNMT

### 6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Bảng 6.4. Bảng tổng hợp kinh phí thực hiện giám sát môi trường trong 01 năm hoạt động của cơ sở

STT	Tên công việc	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)
<b>I</b>	<b>Giám sát chất lượng nước thải</b>				<b>2.742.924</b>
1	pH	mẫu	1	63.567	63.567
2	TSS	mẫu	1	219.403	219.403
3	BOD <sub>5</sub>	mẫu	1	184.232	184.232
4	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> -N	mẫu	1	189.193	189.193
5	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> -N	mẫu	1	317.654	317.654
6	PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> -P	mẫu	1	271.234	271.234
7	H <sub>2</sub> S	mẫu	1	212.872	212.872
8	Dầu mỡ động thực vật	mẫu	1	467.926	467.926
9	Tổng Coliforms	mẫu	1	816.843	816.843
<b>II</b>	<b>Giám sát tiếng ồn</b>				<b>126.862</b>
1	Tiếng ồn	mẫu	1	126.862	126.862
<b>Trước thuế</b>					<b>2.869.786</b>
<b>Thuế VAT 8%</b>					<b>229.583</b>
<b>Tổng cộng</b>					<b>3.099.369</b>

## **CHƯƠNG VII**

### **KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ**

#### **Kết quả kiểm tra ngày 30/12/2022**

Đoàn kiểm tra được thành lập theo Quyết định số 3183/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện Châu Thành kiểm tra thực tế tại cơ sở Công ty TNHH may Hồng Việt Trà Vinh, kết quả:

#### **1. Thông tin cơ sở**

- Tổng mức đầu tư: 11 tỷ đồng.
- Loại hình hoạt động: may mặc.
- Quy mô, công suất: 250.000 sản phẩm/năm.
- Số công nhân: 205 người.
- Hoạt động từ năm 2.000 đến nay.

#### **2. Xử lý nước thải**

- Nước mưa chảy tràn: thu gom tái sử dụng cho lò hơi.
- Nước thải sinh hoạt: tổng lượng phát sinh 3,5 m<sup>3</sup>/ngày. Thuê hút hầm định kỳ, chưa có hệ thống xử lý nước thải.
- Nước thải sản xuất: không phát sinh.

#### **3. Xử lý bụi, khí thải**

- Bụi: phát sinh từ công đoạn may, không đáng kể.
- Mùi hôi: không đáng kể.
- Khí thải: cơ sở không phát sinh khí thải.

#### **4. Tiếng ồn, độ rung**

- Tiếng ồn: từ may mặc, không đáng kể
- Hoạt động ban đêm: tăng ca đến 20 giờ tối nghỉ.
- Thời gian hoạt động trong ngày: 7h – 20h (01 tuần tăng ca 03 lần).

#### **5. Thiết bị xử lý, lưu giữ chất thải rắn thông thường**

- Chất thải rắn sinh hoạt: lượng phát sinh 04 kg/ngày. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.
- Chất thải rắn công nghiệp: lượng phát sinh 40 kg/ngày. Chưa có hợp đồng xử lý, chủ yếu gom bán phế liệu.

#### **6. Thiết bị lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại**

- Lượng phát sinh: 05 kg/năm.
- Bóng đèn, hộp sơn hiện tại phát sinh khoảng 30 kg, không có kho lưu giữ và chưa xử lý.

#### **Kết luận của đoàn kiểm tra:**

Theo quy định của Luật bảo vệ môi trường năm 2020, Luật đầu tư công năm 2019, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư

02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TN-MT, cơ sở thuộc đối tượng phải lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cấp huyện.

Qua kiểm tra tại cơ sở, Đoàn kiểm tra đề nghị chủ cơ sở thực hiện các biện pháp khắc phục như sau:

- Xây dựng hệ thống/công trình xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh khu vực nhà ăn công nhân, thời gian khắc phục trong vòng 30 ngày kể từ ngày lập biên bản kiểm tra hôm nay.
- Lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cấp huyện trong vòng 36 tháng kể từ ngày 01/01/2022 (đến 31/12/2024 hoàn thành).
- Bố trí thùng chứa rác thải nguy hại và kho lưu chứa chất thải nguy hại theo quy định.
- Vệ sinh cảnh quan khu vực phía kho chứa rác thải công nghiệp còn bừa bộn, chưa gọn gàng.
- Ký hợp đồng xử lý rác thải công nghiệp theo quy định.
- Đóng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp hằng năm theo quy định.
- Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường hằng năm theo quy định gửi về phòng Tài nguyên và môi trường huyện theo dõi, kiểm tra.

### **Kết quả kiểm tra ngày 13/4/2023**

Đoàn kiểm tra được thành lập theo Quyết định số 3183/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện Châu Thành kiểm tra thực tế tại cơ sở Công ty TNHH may Hồng Việt Trà Vinh, xung quanh việc thực hiện khắc phục kết luận của Đoàn kiểm tra môi trường tại biên bản lập ngày 30/12/2022 đối với công ty.

- Đối với báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt: công ty đang xúc tiến mời các đơn vị chào giá để xét chọn tiến hành trong năm 2023.
- Đối với rác thải nguy hại: công ty chưa tìm được đơn vị ký hợp đồng. Đã cho dọn dẹp khắc phục cảnh quan phía sau công ty.
- Công ty đã đóng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải năm 2022.
- Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường sẽ tiến hành nộp về phòng Tài nguyên và môi trường cuối năm 2023.

**Kết luận của đoàn kiểm tra:** Đề nghị công ty khắc phục các nội dung của Đoàn kiểm tra môi trường huyện mà đến nay công ty chưa khắc phục. Thời gian khắc phục trong vòng 15 ngày làm việc, kể từ ngày 13/4/2023. Nếu hết thời gian trên mà đơn vị không hoàn thành việc khắc phục thì Đoàn kiểm tra đề xuất xử lý theo quy định.



## **Chương VIII** **CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ**

- Các số liệu, dữ liệu dùng làm cơ sở đánh giá trong báo cáo chủ yếu dựa vào số liệu đo đạc, khảo sát thực tế tại cơ sở nên có mức độ tin cậy và độ chính xác cao cũng như phù hợp hoạt động của cơ sở trong thời gian tới.
- Chủ cơ sở cam kết tính chính xác, trung thực của các số liệu, thông tin trong báo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở;
- Chủ cơ sở cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm, vận hành thường xuyên các công trình xử lý nêu trong báo cáo. Cam kết xử lý nước thải đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải sinh hoạt (QCVN 14:2008/BTNMT, cột B); Cam kết đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, độ rung (QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 27:2010/BTNMT).
- Chủ cơ sở cam kết tuân thủ các quy định chung về bảo vệ môi trường có liên quan cơ sở. Cam kết thực hiện các quy định của pháp luật về công tác phòng chống cháy nổ, an toàn lao động và các quy định khác có liên quan hoạt động của cơ sở.
- Chủ cơ sở cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp để xảy ra các sự cố trong quá trình hoạt động của cơ sở.
- Chúng tôi cam kết về tính chính xác, trung thực của thông tin trình bày trong toàn bộ hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường này của cơ sở. Kính đề nghị cơ quan cấp giấy phép môi trường xem xét, phê duyệt./.

## **PHỤ LỤC BÁO CÁO**

1. Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
2. Giấy tờ về đất đai để thực hiện Cơ sở đầu tư theo quy định của pháp luật;
3. Bản vẽ thiết kế HTXL nước thải;
4. Sơ đồ xả thải;
5. Giấy xác nhận đề án BVMT của cơ sở;
6. Hợp đồng vận chuyển rác thải sinh hoạt;
7. Kết quả quan trắc môi trường nước mặt.

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 2100242197

Đăng ký lần đầu: ngày 10 tháng 12 năm 1999

Đăng ký thay đổi lần thứ: 5, ngày 08 tháng 01 năm 2019

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MAY HỒNG VIỆT TRÀ VINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HONG VIET TRA VINH GARMENT  
COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HVTV GARIMEX. CO.LTD

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

Số 420 đường 2/9, Khóm 5, Thị Trấn Châu Thành, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh,  
Việt Nam

Điện thoại: 02946.266054

Fax:

Email: [phchvtv@gmail.com](mailto:phchvtv@gmail.com)

Website:

**3. Vốn điều lệ** 11.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Mười một tỷ đồng

**4. Thông tin về chủ sở hữu**

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HÒA BÌNH

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 0302272112

Do: Phòng ĐKKD Thành phố Hồ Chí Minh Cấp ngày: 04/12/2018

Địa chỉ trụ sở chính: 830 Bến Nguyễn Duy, Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí  
Minh, Việt Nam

**5. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ và tên: NGUYỄN CHI PHƯƠNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch công ty

Sinh ngày: 29/01/1953

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 021972432

Ngày cấp: 29/05/2012

Nơi cấp: Công an TP HCM

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 134/30 Lý Chính Thắng, Phường 07, Quận 3,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 134/30 Lý Chính Thắng, Phường 07, Quận 3, Thành phố Hồ Chí  
Minh, Việt Nam

**TRƯỞNG PHÒNG**



ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH TRÀ VINH  
CHỨNG NHẬN

I- Tên người sử dụng đất

CÔNG TY TNHH MAY TRÀ VINH

Giấy chứng nhận kinh doanh số: 054606 ngày 10/12/1999

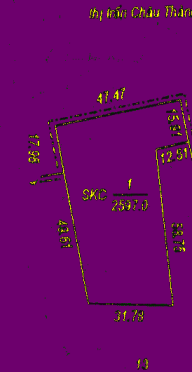
Địa chỉ: khóm 5, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

II- Thửa đất được quyền sử dụng

- Thửa đất số: 1 2. Tờ bản đồ số: 29
- Địa chỉ thửa đất: ấp Phú Nhiêu, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
- Diện tích: 2.597,0 m<sup>2</sup>  
Bằng chữ: (hai ngàn năm trăm chín mươi bảy mét vuông)
- Hình thức sử dụng:
  - + Sử dụng riêng: 2.597,0 m<sup>2</sup>
  - + Sử dụng chung: Không m<sup>2</sup>
- Mục đích sử dụng đất: Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh
- Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 28/10/2023
- Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm

III- Tài sản gắn liền với đất

IV- Ghi chú



Tỷ lệ: 1/2000

Ngày 27 tháng 3 năm 2009

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

TUQ. CHỦ TỊCH

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG




LÂM NGỌC TRIẾT

Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 10.1221...



VI- Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
12/10/2015	Người sử dụng đất đổi tên từ Công ty TNHH Máy Trà Vinh thành Công ty TNHH Máy Hồng Việt Trà Vinh theo hồ sơ số 001747.DT.001/.	 Trần Thị Thu Hiền

**NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CẦN CHÚ Ý :**

- Được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.
- Phải mang Giấy chứng nhận này đến đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền khi: chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất; người sử dụng đất được phép đổi tên có thay đổi về hình dạng, kích thước, diện tích thửa đất; chuyển mục đích sử dụng đất; có thay đổi thời hạn sử dụng đất; chuyển đổi từ hình thức Nhà nước cho thuê đất sang hình thức Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; Nhà nước thu hồi đất.
- Không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp giấy.
- Nếu có thắc mắc hoặc cần tìm hiểu về chính sách, pháp luật đất đai, có thể hỏi cán bộ địa chính xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan quản lý đất đai có liên quan. Cán bộ địa chính và cơ quan quản lý đất đai có trách nhiệm giải đáp thắc mắc hoặc cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật đất đai cho người sử dụng đất.



**GIẤY CHỨNG NHẬN  
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**

SỐ QL 7962/10



## II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

### 1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 4, tờ bản đồ số: 25  
 b) Địa chỉ: nhóm 5, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh  
 c) Diện tích: 6.165,7 m<sup>2</sup>, (bằng chữ: Sáu ngàn một trăm sáu mươi lăm phẩy bảy mét vuông)  
 d) Hình thức sử dụng: riêng: 6.165,7 m<sup>2</sup>; chung: Không m<sup>2</sup>  
 đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh  
 e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 14/4/2020  
 g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm

### 2. Nhà ở: -/-

### 3. Công trình xây dựng khác:

Tên công trình: Công ty Máy Trà Vinh (06 hạng mục)

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m <sup>2</sup> )	Diện tích sàn hoặc công suất	Kết cấu chủ yếu	Cấp công trình	Số tầng	Năm hoàn thành xây dựng	Thời hạn sở hữu
Nhà xưởng máy	1.248,0	1.248,0	Khung bê tông cốt thép, tường gạch, mái tôn	Cấp 4	01	-/-	-/-
Nhà ăn	338,3	338,3	Khung bê tông cốt thép, tường gạch, mái tôn	Cấp 4	01	-/-	-/-

### 4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

### 5. Cây lâu năm: -/-

### 6. Ghi chú:

Thừa đất có 0,5 m<sup>2</sup> đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình Đường 2/9 (Quốc lộ 54)

Trà Vinh, ngày 27 tháng 05 năm 2017  
 TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

KT. CHỦ TỊCH  
 PHÓ CHỦ TỊCH

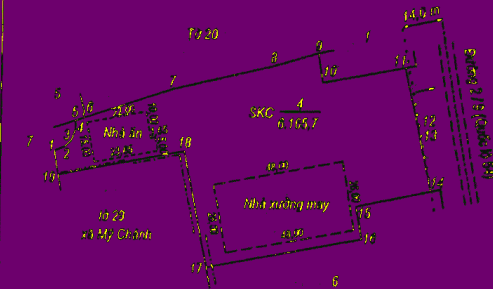


Nguyễn Văn Phong

Số vào sổ cấp GCN: CT01229

## III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Số thửa định thửa	Tọa độ VN 2000		Chiều dài Sông
	X	Y	
1	1090397,80	592752,82	
2	1090399,02	592756,39	4,87
3	1091601,17	592759,01	3,80
4	1091605,43	592760,35	1,94
5	1091608,67	592760,34	3,24
6	1091609,64	592761,20	3,02
7	1091623,10	592776,02	34,60
8	1091629,58	592833,38	38,41
9	1091632,98	592849,65	16,69
10	1091623,10	592850,65	10,98
11	1091629,67	592860,64	36,42
12	1091607,77	592865,76	21,89
13	1091602,24	592866,99	1,67
14	1090393,23	592894,61	12,65
15	1090377,46	592864,33	27,80
16	1090565,12	592866,38	12,52
17	1090554,43	592801,59	57,96
18	1090997,64	592800,82	44,69
19	1090998,64	592754,71	47,40
1	1090397,80	592752,82	7,96

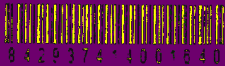


## IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
<p>Chứng nhận bổ sung quyền sở hữu đối với các hạng mục:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xương cốt: Diện tích xây dựng: 726,2 m<sup>2</sup>, diện tích sàn hoặc công suất: 726,2 m<sup>2</sup>, Hình thức sở hữu: Sở hữu riêng, Cấp công trình: Cấp 4, Thời hạn sở hữu: -/-;</li> <li>- Nhà kho: Diện tích xây dựng: 260,5 m<sup>2</sup>, diện tích sàn hoặc công suất: 260,5 m<sup>2</sup>, Hình thức sở hữu: Sở hữu riêng, Cấp công trình: Cấp 4, Thời hạn sở hữu: -/-;</li> <li>- Xương thành phẩm: Diện tích xây dựng: 581,5 m<sup>2</sup>, diện tích sàn hoặc công suất: 581,5 m<sup>2</sup>, Hình thức sở hữu: Sở hữu riêng, Cấp công trình: Cấp 4, Thời hạn sở hữu: -/-;</li> <li>- Nhà văn phòng: Diện tích xây dựng: 218,4 m<sup>2</sup>, diện tích sàn hoặc công suất: 218,4 m<sup>2</sup>, Hình thức sở hữu: Sở hữu riêng, Cấp công trình: Cấp 4, Thời hạn sở hữu: -/- theo hồ sơ số 001640.TS.002/2017</li> </ul>	<p>30/9/2015</p> <p>GIÁM ĐỐC</p> <p>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG</p> <p>LÂM NGỌC TRIẾT</p>

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



*Kiểm tra Giấy chứng nhận này có printing số: 01, 02*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

**QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất  
**CÔNG TY TNHH MAY HỒNG VIỆT TRÀ VINH**  
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2100242197,  
đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 13/12/2012.  
Địa chỉ: Khóm 5, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

BH 053907

# VIỆN KHOA HỌC AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 348 Nguyễn Thái Sơn, Phường 4, Quận Gò Vấp, TP. HCM

Điện thoại: 028.35144476 - Số đăng ký chứng nhận 05/GCN-KD

## I. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN SỬ DỤNG

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH MAY HỒNG VIỆT TRÀ VINH**

Địa chỉ: Số 420 đường 2/9, Khóm 5, TT Châu Thành, H. Châu Thành,  
T. Trà Vinh

## II. ĐỐI TƯỢNG KIỂM ĐỊNH

Tên đối tượng: **NỒI ĐUN ĐIỆN**

Mã hiệu: **NTK-72K**

- Số chế tạo: **DA1312107**

Nhà chế tạo: **NATAKA-CHINA**

- Năm chế tạo: **2014**

### Đặc tính, thông số kỹ thuật

Dung tích: **130** lít

- Công dụng: **Tạo hơi nước**

Áp suất làm việc: **6,5** bar

- Áp suất thiết kế: **7,0** bar

Lắp đặt: - theo địa chỉ công ty -

Đã được kiểm định **định kỳ** đạt yêu cầu theo biên bản kiểm định

số **22/04** ngày **16** tháng **03** năm 2021 (\*)

Tem kiểm định số: **000256**

Giấy chứng nhận kết quả kiểm định có hiệu lực đến: **28/02/2024**

*Tp. Hồ Chí Minh ngày 16 tháng 03 năm 2021*

**KT. VIỆN TRƯỞNG  
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



**Trần Văn Chung**

*(\*) Với điều kiện tổ chức, cá nhân sử dụng phải tuân thủ các quy định về sử dụng và bảo quản.*













- Với sự tham gia của:

Trên cơ sở kết quả kiểm tra, kết quả trao đổi, thảo luận giữa các thành viên Đoàn kiểm tra và giữa thành viên Đoàn kiểm tra với chủ dự án/cơ sở, các bên thống nhất các nội dung sau:

**III. Kết quả kiểm tra:**

**1. Thông tin dự án/cơ sở:**

Tên chủ dự án: Công ty TNHH may dệt may Việt Nam

Địa chỉ trụ sở: Khảo, thị trấn Chơn Thành

SĐT liên hệ chủ dự án/chủ cơ sở: 091.791.7912 (chị Thảo)

Tổng mức đầu tư: 11 tỷ đồng

Loại hình hoạt động: May mặc

Quy mô, công suất: 250.000 sản phẩm/năm

Công nghệ sản xuất của cơ sở:

Diện tích đất sử dụng: 1.500 m<sup>2</sup>, số thửa, tờ bản đồ

Hình thức (thuê/đất nhà): Thuê nhà thuê

Số lượng công nhân hiện tại: 200 người

Tình trạng hoạt động của cơ sở:

+ Chưa hoạt động, đang thi công xây dựng:

+ Đang hoạt động:

Thời gian vào hoạt động: từ tháng năm 2009 đến nay.

**2. Xử lý nước thải:**

Nước mưa chảy tràn (có hay không có thu gom vào hệ thống thu gom): Thu gom theo quy định cho bể

Nước thải sinh hoạt:

Tổng lượng phát sinh: 4,5 m<sup>3</sup>/ngày đêm; biện pháp xử lý (có hay không có qua hầm tự hoại?): 1,5 m<sup>3</sup>; thể tích hầm tự hoại: 15 m<sup>3</sup>. Định kỳ thuê hút hầm hay có điểm ra ra nguồn tiếp nhận nước thải: Thuê hút

Nước thải sản xuất (nếu có):

Tổng lượng phát sinh: .....m<sup>3</sup>/ngày.đêm; biện pháp xử lý (có hay không có xử lý):.....; công suất hệ thống/công trình xử lý nước thải: .....m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải: .....

.....

Nguồn tiếp nhận nước thải: .....

3. Xử lý bụi, khí thải (nếu có):

Bụi:..... phát bụi từ máy xay, máy đập đá.....

Khói, khí thải: .....

Mùi hôi:.....

4. Tiếng ồn, độ rung (nếu có):

Nguồn phát sinh:.....

Xử lý/giảm thiểu: .....

Hoạt động ban đêm (có hay không có):.....

Thời gian hoạt động trong ngày:.....

5. Thiết bị xử lý, lưu giữ chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt:

Lượng phát sinh : .....kg/ngày. Biện pháp xử lý (có hay không có hợp đồng với đơn vị chức năng xử lý theo quy định):.....

- Chất thải rắn công nghiệp:

Lượng phát sinh : .....kg/ngày. Biện pháp xử lý (có hay không có hợp đồng với đơn vị chức năng xử lý theo quy định):.....

6. Thiết bị lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

Chủng loại: Bông đèn thải / dầu thải / pin thải / mạch điện tử / khác. ✓

Lượng phát sinh : .....kg/ngày. Biện pháp xử lý (có hay không có hợp đồng với đơn vị chức năng xử lý theo quy định):.....

Kho lưu giữ (có hay không có):..... Diện tích:.....

7. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có):

.....

IV. Ý kiến của các thành viên tham gia Đoàn kiểm tra:

.....



V. Kết luận:

Theo quy định Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Luật Đầu tư công 2019, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TN-MT, xác định dự án/cơ sở thuộc hay không thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường cấp huyện.

Dự án thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Dự án/cơ sở thuộc hay không thuộc đăng ký môi trường tại UBND cấp xã:

Các yêu cầu về bảo vệ môi trường tại dự án/cơ sở:

Quy hoạch tổng thể là sơ đồ phân khu chức năng chỉ có sơ đồ phân khu chức năng phục vụ cho việc xây dựng.

Xây dựng hệ thống/công tác xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh khu vực nhà vệ sinh chung, thu gom nước mưa, rác thải, lắp đặt bể biogas, bể lọc nước thải, bể lắng.

Lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cấp huyện theo quy định quy định 36 tháng kể từ ngày 01/01/2024 (theo 2/2/2024 khoản 3a).

Chỉ thực hiện các biện pháp xử lý nước thải, nước sinh hoạt, chất thải rắn theo quy định.

Để xử lý các vấn đề khu vực phía Bắc chuyển giao công nghệ, công nghệ xử lý chất thải công nghiệp theo quy định.

Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công việc xử lý nước thải, nước sinh hoạt.

Lập báo cáo cấp tại UBND huyện theo quy định ghi

VI. Ý kiến của chủ dự án/cơ sở:

Đã thực hiện theo quy định tại hồ sơ.

.....  
Biên bản được lập vào hồi 12 giờ 30 phút cùng ngày, đã được đọc cho những người tham dự cùng nghe và thống nhất ký tên biên bản. Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, Đoàn kiểm tra giữ 01 bản, chủ dự án/cơ sở giữ 01 bản để thực hiện./.

**ĐẠI DIỆN CHỦ DỰ ÁN/**

**CƠ SỞ**  
  
*Nguyễn Văn Khoa*

**THƯ KÝ ĐOÀN**

*Nguyễn Đức Chính*  
**THÀNH VIÊN THAM GIA**

**TRƯỞNG ĐOÀN**

  
*Nguyễn Văn Châm*

*Nguyễn Thanh Phong*

*Lê Hồng Hiệp*

.....  
.....  
.....

.....  
.....  
.....



UBND HUYỆN CHÂU THÀNH  
ĐOÀN KIỂM TRA  
(Theo Quyết định số 31/23/QĐ-UBND  
ngày 25/7/2022 của UBND huyện)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Châu Thành, ngày 15 tháng 4 năm 2023

Số: 12 / BBLV-DKT

BIÊN BẢN LÀM VIỆC

Xung quanh việc kiểm tra thời gian tiếp xúc của đồng nghiệp  
mới nhập bộ ban xã lập ngày 20/12/2022 tại xã Lộ

Hôm nay, hồi 7 giờ phút, ngày 13 tháng 4 năm 2023, tại Ủy ban  
Ban xã Lộ huyện Lộ

I. Thành phần tham dự

1. Ông Nguyễn Trọng Hoàn - Ủy ban xã Lộ
2. Ông Nguyễn Quốc Thái - Chủ tịch xã Lộ
3. Ông Nguyễn Văn Linh - Phó Chủ tịch xã Lộ
4. Ông Nguyễn Thành Phương - Phó Chủ tịch xã Lộ
5. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn - Trưởng ban Dân vận xã Lộ
6. Ông Kiên Cường - Phó Ban Công an xã Lộ
7. Ông .....
8. Ông .....
9. Ông .....
10. Ông .....
11. Ông .....
12. Ông .....

\* Thành viên vắng mặt

- Ông Phan Văn Tuấn - Phó Chủ tịch xã Lộ
- Ông Lê Văn Dân - Phó Chủ tịch xã Lộ
- Ông .....
- Ông .....

Đại diện cơ sở:

- Ông Bà Kiên Văn Khoa - Ủy ban xã Lộ
- Ông Nguyễn Văn Tuấn - Ủy ban xã Lộ



Ông/Bà: Hà Phương Thảo - Kế toán trưởng

Công ty

II. Nội dung

Xung quanh việc thực hiện Kế hoạch kinh doanh năm 2022 của đơn vị, trước đây một buổi họp theo báo cáo báo cáo ngày 30/12/2022 tại Công ty TNHH may đồng Việt Nam.

Công ty Nguyễn Văn Khoa phát biểu như dưới yêu cầu của buổi họp; đồng thời yêu cầu Công ty báo cáo các nội dung để báo cáo, cũng như đưa đến nay theo Kế hoạch kinh doanh (C&K) để yêu cầu.

Công ty Nguyễn Văn Khoa, đề nghị Công ty báo cáo các nội dung:

- Đối với công việc mà trước đây đã ký một thỏa thuận hoạt động tại công ty này và đến nay các công việc chưa giải quyết xong, cần phải làm xong năm 2023.

- Đối với các công việc đang thực hiện: Công ty cần sớm đưa ra các báo cáo báo cáo để cho các đơn vị, các phòng ban nắm bắt được tình hình công việc.

Công ty đề nghị phải báo cáo với trước đây với một đơn vị công ty năm 2022.

Lập kế hoạch báo cáo BKTG và tiến hành nộp kế hoạch tài chính và MS đúng theo quy định của năm 2023 tiếp.

// Công ty Nguyễn Văn Khoa: Đề nghị Công ty sớm đưa ra các báo cáo báo cáo để cho các đơn vị, các phòng ban nắm bắt được tình hình công việc. Công ty đề nghị phải báo cáo với trước đây với một đơn vị công ty năm 2022.



بِسْمِ اللَّهِ الرَّحْمَنِ الرَّحِيمِ  
الحمد لله الذي جعل القرآن الكريم  
موسى بن جعفر بن محمد بن علي بن ابي طالب

موسى بن جعفر بن محمد بن علي بن ابي طالب  
موسى بن جعفر بن محمد بن علي بن ابي طالب

موسى بن جعفر بن محمد بن علي بن ابي طالب  
موسى بن جعفر بن محمد بن علي بن ابي طالب

موسى بن جعفر بن محمد بن علي بن ابي طالب  
موسى بن جعفر بن محمد بن علي بن ابي طالب

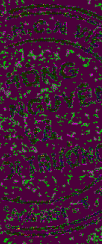
موسى بن جعفر بن محمد بن علي بن ابي طالب  
موسى بن جعفر بن محمد بن علي بن ابي طالب

موسى بن جعفر بن محمد بن علي بن ابي طالب  
موسى بن جعفر بن محمد بن علي بن ابي طالب

موسى بن جعفر بن محمد بن علي بن ابي طالب  
موسى بن جعفر بن محمد بن علي بن ابي طالب

موسى بن جعفر بن محمد بن علي بن ابي طالب  
موسى بن جعفر بن محمد بن علي بن ابي طالب

موسى بن جعفر بن محمد بن علي بن ابي طالب  
موسى بن جعفر بن محمد بن علي بن ابي طالب





Châu Thành, ngày 19 tháng 6 năm 2009

**GIẤY XÁC NHẬN  
ĐĂNG KÝ ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG  
Công ty liên doanh may Hồng Việt**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 04/2008/TT-BTNMT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn việc lập, phê duyệt hoặc xác nhận đề án bảo vệ môi trường đối với các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đã hoạt động trước ngày 01 tháng 7 năm 2006 mà không có quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường;

Căn cứ Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2008 của UBND huyện Châu Thành về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Châu Thành;

Xét nội dung đề án bảo vệ môi trường Công ty liên doanh may Hồng Việt kèm theo Văn bản đề nghị xác nhận ngày 25 tháng 3 năm 2009 của Công ty liên doanh may Hồng Việt.

**PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
XÁC NHẬN:**

**Điều 1.** Xác nhận Công ty Công ty liên doanh may Hồng Việt đã đăng ký và cam kết thực hiện đề án bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động cho Công ty liên doanh may Hồng Việt ngày 09 tháng 6 năm 2009. Địa điểm đặt tại khóm 5, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

**Điều 2.** Công ty liên doanh may Hồng Việt có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ những nội dung về bảo vệ môi trường nêu trong đề án bảo vệ môi trường được xác nhận và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. Về quản lý và xử lý chất thải:

*Nước thải:* Vận hành hệ thống xử lý nước thải sao cho nước thải đầu ra đạt tiêu chuẩn TCVN: 6772-2000: Chất lượng nước thải sinh hoạt - Giới hạn ô nhiễm cho phép.

*Chất thải rắn:* Thu gom và xử lý theo đúng quy định hiện hành.

*Khí thải:* Đạt tiêu chuẩn TCVN. 5937-2005: Tiêu chuẩn chất lượng không khí xung quanh.

*Tiếng ồn:* Đạt tiêu chuẩn TCVN: 5949-1998: Tiêu chuẩn giới hạn tối đa cho phép tiếng ồn khu vực công cộng và dân cư.

2. Thực hiện chương trình giám sát môi trường theo nội dung đề án bảo vệ môi trường đã được xác nhận. Định kỳ tối thiểu 02 lần/năm báo cáo kết quả giám sát môi trường về cơ quan xác nhận đề án bảo vệ môi trường để kiểm tra, giám sát.

3. Thời hạn hoàn thành các công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường (theo kế hoạch trong đề án được xác nhận) nhưng chậm nhất là **ngày 31 tháng 12 năm 2009** phải hoàn thành. Quá thời hạn nêu trên, Công ty liên doanh may Hồng Việt không thực hiện, Công ty liên doanh may Hồng Việt sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật, trong đó ngoài các hình thức xử phạt, khắc phục ô nhiễm, còn có thể bị tạm thời đình chỉ, cấm hoạt động hoặc buộc di dời ra khỏi khu dân cư, phù hợp với sức chịu tải của môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Sau khi hoàn thành các nội dung của đề án bảo vệ môi trường đã được xác nhận, Công ty liên doanh may Hồng Việt phải có văn bản báo cáo cơ quan xác nhận về các nội dung đã hoàn thành để kiểm tra, giám sát.

**Điều 3.** Đề án bảo vệ môi trường Công ty liên doanh may Hồng Việt và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 của Giấy xác nhận này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Công ty liên doanh may Hồng Việt.

**Điều 4.** Giấy xác nhận này giá trị kể từ ngày ký.

*Nơi nhận:*

- Cty liên doanh may Hồng Việt;
- Lưu: VT.



*Phan Văn Phẩm*



Số: 00426/2023/KQTN **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** 13/09/2023

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH MAY HỒNG VIỆT TRÀ VINH
2. Địa chỉ : Số 420 đường 2/9, Khóm 5, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
3. Ngày lấy mẫu : 06/09/2023
4. Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
5. Loại mẫu : Nước mặt
6. Ký hiệu và mô tả mẫu : 2309.06NM: Nước mặt sông Trà Vinh tại vị trí đầu nối hệ thống thoát nước đô thị của thị trấn Châu Thành
7. Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu : TCVN 6663-1:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.  
 TCVN 5994: 1995 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Hướng dẫn lấy mẫu ở ao hồ tự nhiên và nhân tạo.  
 TCVN 6663-6: 2018– Chất lượng nước. Lấy mẫu. Hướng dẫn lấy mẫu sông và suối.  
 TCVN 6663-3: 2016 – Chất lượng nước. Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.  
 TCVN 8880:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu để phân tích vi sinh vật.

**8. Kết quả đo đạc, phân tích :**

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08-MT:2015/BTNMT	Phương pháp đo đạc, phân tích
			2309.06NM	B <sub>1</sub>	
1	pH <sup>(1)</sup>	-	6,64	5,5 – 9	TCVN 6492:2011
2	TSS <sup>(1)</sup>	mg/L	19	50	TCVN 6625:2000
3	DO <sup>(1)</sup>	mg/L	4,38	≥4	TCVN 7325:2016
4	COD <sup>(1)</sup>	mg/L	24	30	SMEWW 5220C:2017
5	BOD <sub>5</sub> <sup>(1)</sup>	mg/L	13	15	TCVN 6001-1:2008
6	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> _N) <sup>(1)</sup>	mg/L	1,48	10	SMEWW 4500- NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> .E:2017
7	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> _P) <sup>(1)</sup>	mg/L	0,11	0,3	SMEWW 4500-P. D:2017
8	Tổng Coliform <sup>(1)</sup>	MPN/100mL	4,4×10 <sup>3</sup>	7.500	TCVN 6187 - 2:1996

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo;

- <sup>(1)</sup> Thông số được Bộ Tài nguyên và môi trường công nhận;
- QCVN 08-MT: 2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt  
 Cột B<sub>1</sub>: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B<sub>2</sub>.  
 KPH: Không phát hiện MDL: Ngưỡng phát hiện

PHÒNG THỬ NGHIỆM



HOÀNG ANH TRÚC ĐOÀN

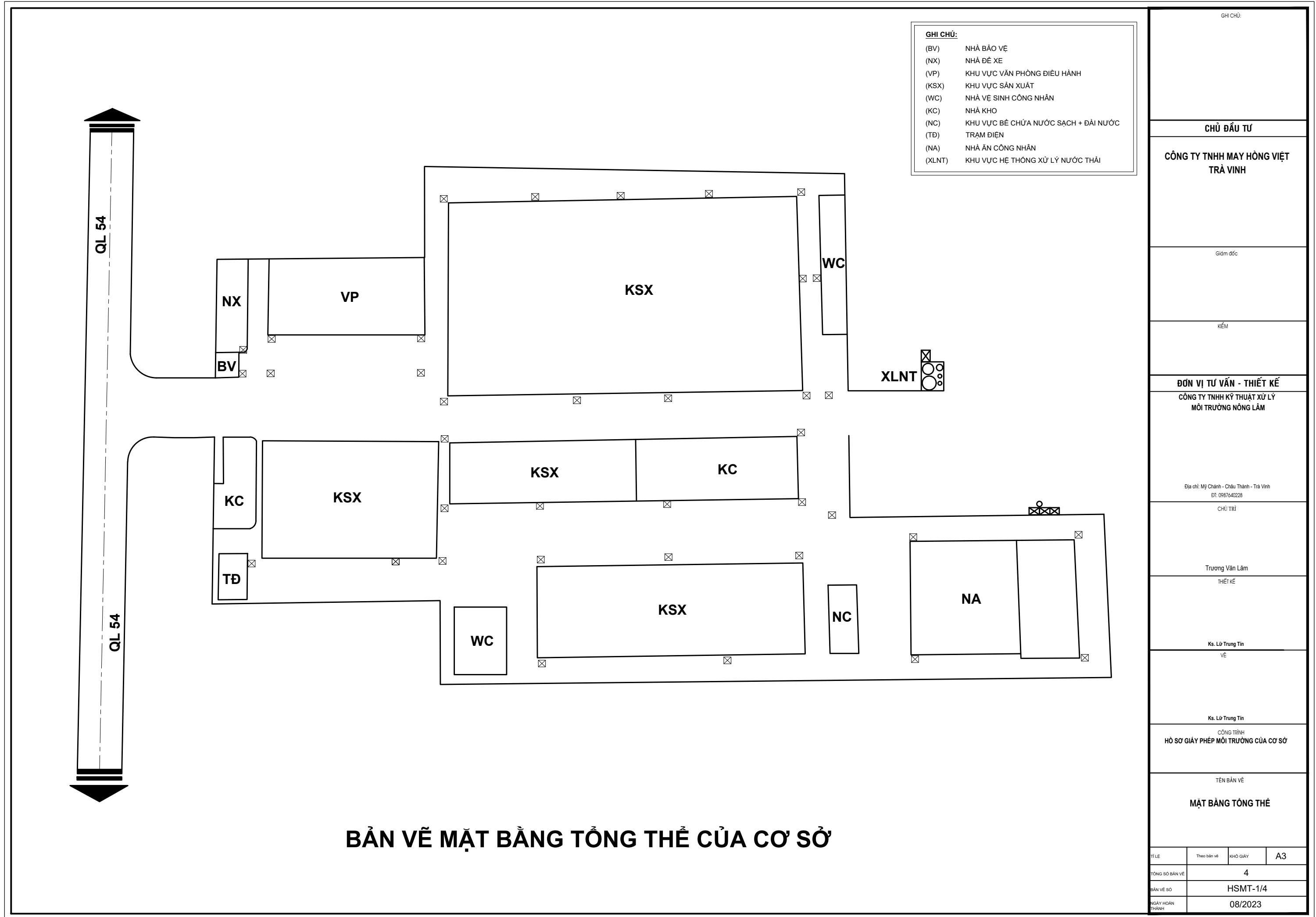


GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ HUYỀN

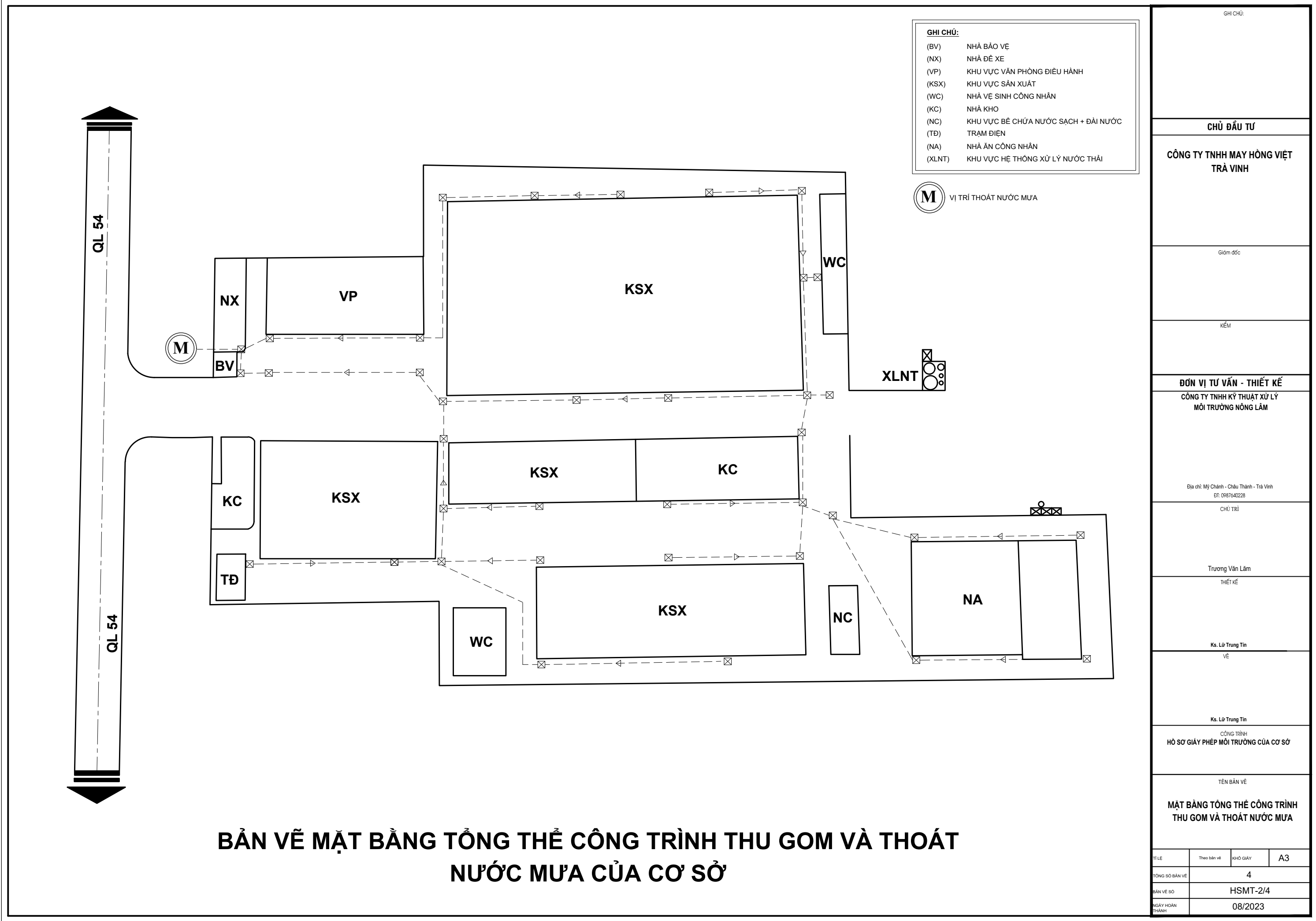
Sự hài lòng của bạn - Uy tín của chúng tôi



- GHI CHÚ:**
- (BV) NHÀ BẢO VỆ
  - (NX) NHÀ ĐỂ XE
  - (VP) KHU VỰC VĂN PHÒNG ĐIỀU HÀNH
  - (KSX) KHU VỰC SẢN XUẤT
  - (WC) NHÀ VỆ SINH CÔNG NHÂN
  - (KC) NHÀ KHO
  - (NC) KHU VỰC BỂ CHỨA NƯỚC SẠCH + ĐÀI NƯỚC
  - (TD) TRẠM ĐIỆN
  - (NA) NHÀ ĂN CÔNG NHÂN
  - (XLNT) KHU VỰC HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

GHI CHÚ:			
<b>CHỦ ĐẦU TƯ</b>			
<b>CÔNG TY TNHH MAY HỒNG VIỆT TRÀ VINH</b>			
Giám đốc			
KẾM			
<b>ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ</b>			
<b>CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM</b>			
Địa chỉ: Mỹ Chánh - Châu Thành - Trà Vinh ĐT: 0987640228			
CHỦ TRÌ			
Trương Văn Lâm			
THIẾT KẾ			
Ks. Lữ Trung Tín			
VẼ			
Ks. Lữ Trung Tín			
CÔNG TRÌNH <b>HỒ SƠ GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ</b>			
TÊN BẢN VẼ			
<b>MẶT BẰNG TỔNG THỂ</b>			
TỈ LỆ	Theo bản vẽ	KHỔ GIẤY	A3
TỔNG SỐ BẢN VẼ	4		
BẢN VẼ SỐ	HSMT-1/4		
NGÀY HOÀN THÀNH	08/2023		

**BẢN VẼ MẶT BẰNG TỔNG THỂ CỦA CƠ SỞ**



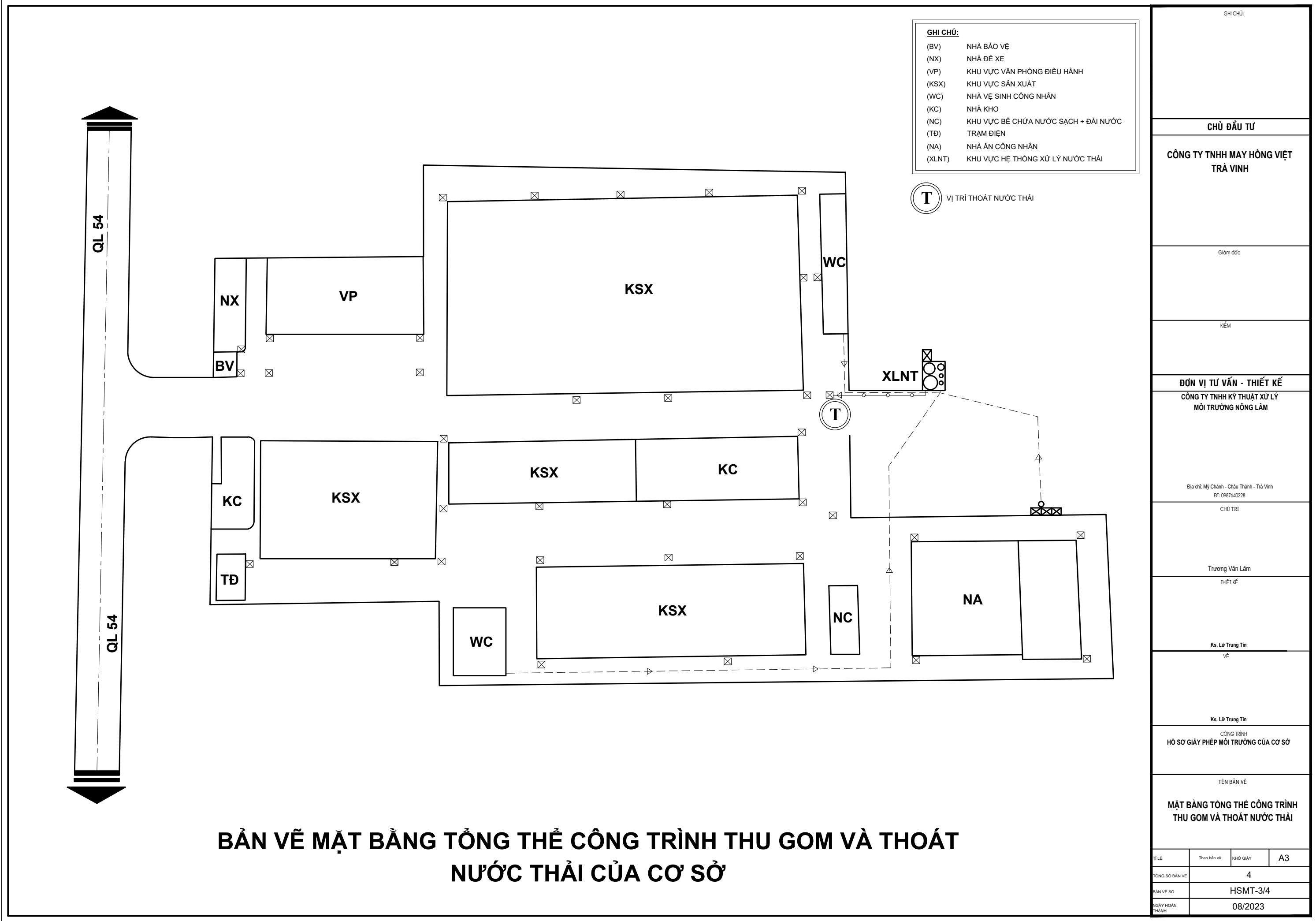
- GHI CHÚ:**
- (BV) NHÀ BẢO VỆ
  - (NX) NHÀ ĐÈ XE
  - (VP) KHU VỰC VẬN PHÒNG ĐIỀU HÀNH
  - (KSX) KHU VỰC SẢN XUẤT
  - (WC) NHÀ VỆ SINH CÔNG NHÂN
  - (KC) NHÀ KHO
  - (NC) KHU VỰC BỂ CHỨA NƯỚC SẠCH + ĐÀI NƯỚC
  - (TĐ) TRẠM ĐIỆN
  - (NA) NHÀ ĂN CÔNG NHÂN
  - (XLNT) KHU VỰC HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

**(M)** VỊ TRÍ THOÁT NƯỚC MƯA

GHI CHÚ:			
<b>CHỦ ĐẦU TƯ</b>			
<b>CÔNG TY TNHH MAY HỒNG VIỆT TRÀ VINH</b>			
Giám đốc			
KẾM			
<b>ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ</b>			
<b>CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM</b>			
Địa chỉ: Mỹ Chánh - Châu Thành - Trà Vinh ĐT: 0987640228			
CHỦ TRÌ			
Trương Văn Lâm			
THIẾT KẾ			
Ks. Lữ Trung Tín			
VẼ			
Ks. Lữ Trung Tín			
CÔNG TRÌNH			
<b>HỒ SƠ GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ</b>			
TÊN BẢN VẼ			
<b>MẶT BẰNG TỔNG THỂ CÔNG TRÌNH THU GOM VÀ THOÁT NƯỚC MƯA</b>			
TỈ LỆ	Theo bản vẽ	KHỔ GIẤY	A3
TỔNG SỐ BẢN VẼ	4		
BẢN VẼ SỐ	HSMT-2/4		
NGÀY HOÀN THÀNH	08/2023		

**BẢN VẼ MẶT BẰNG TỔNG THỂ CÔNG TRÌNH THU GOM VÀ THOÁT NƯỚC MƯA CỦA CƠ SỞ**





- GHI CHÚ:**
- (BV) NHÀ BẢO VỆ
  - (NX) NHÀ ĐÈ XE
  - (VP) KHU VỰC VĂN PHÒNG ĐIỀU HÀNH
  - (KSX) KHU VỰC SẢN XUẤT
  - (WC) NHÀ VỆ SINH CÔNG NHÂN
  - (KC) NHÀ KHO
  - (NC) KHU VỰC BỂ CHỨA NƯỚC SẠCH + ĐÀI NƯỚC
  - (TĐ) TRẠM ĐIỆN
  - (NA) NHÀ ĂN CÔNG NHÂN
  - (XLNT) KHU VỰC HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

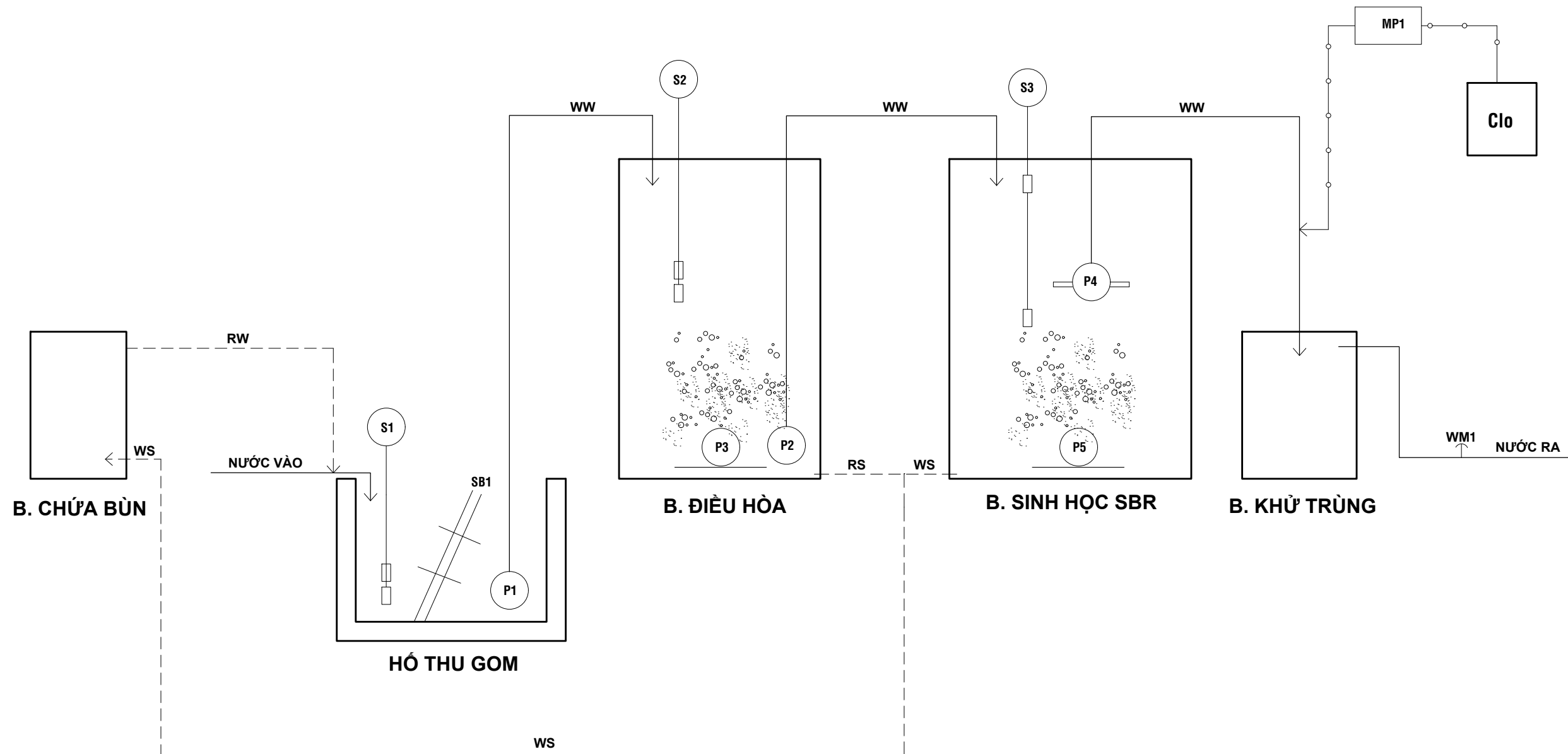
**T** VỊ TRÍ THOÁT NƯỚC THẢI

**BẢN VẼ MẶT BẰNG TỔNG THỂ CÔNG TRÌNH THU GOM VÀ THOÁT NƯỚC THẢI CỦA CƠ SỞ**

GHI CHÚ:			
<b>CHỦ ĐẦU TƯ</b>			
<b>CÔNG TY TNHH MAY HỒNG VIỆT TRÀ VINH</b>			
Giám đốc			
KẾM			
<b>ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ</b>			
<b>CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM</b>			
Địa chỉ: Mỹ Chánh - Châu Thành - Trà Vinh ĐT: 0987640228			
CHỦ TRÌ			
Trương Văn Lâm			
THIẾT KẾ			
Ks. Lữ Trung Tín			
VẼ			
Ks. Lữ Trung Tín			
CÔNG TRÌNH <b>HỒ SƠ GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ</b>			
TÊN BẢN VẼ			
<b>MẶT BẰNG TỔNG THỂ CÔNG TRÌNH THU GOM VÀ THOÁT NƯỚC THẢI</b>			
TỈ LỆ	Theo bản vẽ	KHỔ GIẤY	A3
TỔNG SỐ BẢN VẼ	4		
BẢN VẼ SỐ	HSMT-3/4		
NGÀY HOÀN THÀNH	08/2023		

**GHI CHÚ:**

- (P) BƠM CHÌM NƯỚC THẢI
- (S) PHAO
- (WP) BƠM ĐỊNH LƯỢNG
- (WM) ĐỒNG HỒ ĐO LƯU LƯỢNG
- (SB) SONG CHẮN RÁC THÔ



**SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT  
CÔNG SUẤT 5 M3/NGÀY - ĐẠT QCVN 14:2008/BTNMT, CỘT B**

GHI CHÚ:			
<b>CHỦ ĐẦU TƯ</b>			
<b>CÔNG TY TNHH MAY HỒNG VIỆT TRÀ VINH</b>			
Giám đốc			
KẾM			
<b>ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ</b>			
<b>CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM</b>			
Địa chỉ: Mỹ Chánh - Châu Thành - Trà Vinh ĐT: 0976402228			
<b>CHỦ TRÌ</b>			
Trương Văn Lâm			
<b>THIẾT KẾ</b>			
Ks. Lê Trung Tín			
VỀ			
Ks. Lê Trung Tín			
CÔNG TRÌNH <b>HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT</b> Q = 5 m <sup>3</sup> /ngày đêm			
<b>TÊN BẢN VẼ</b>			
<b>SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HTXLNT</b> TL 1:100			
TỈ LỆ	Theo bản vẽ	KHỔ GIẤY	A3
TỔNG SỐ BẢN VẼ	1		
BẢN VẼ SỐ	XLNT-1/1		
NGÀY HOÀN THÀNH	04/2023		